

THƯ VIỆN T.H TỈNH BRVT

DC

119

Đ 301

VŨ ĐÌNH CHIẾN

ĐỊA LÍ

BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Dành cho các trường phổ thông trong tỉnh)



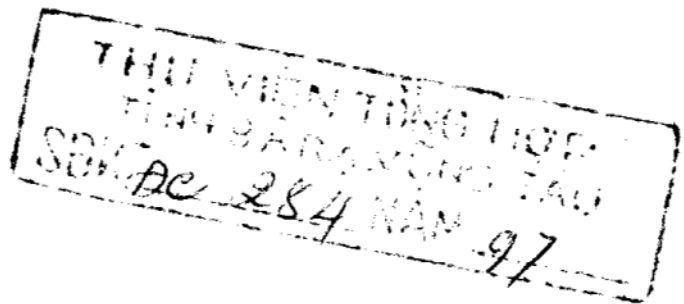
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN KHOA HỌC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

VŨ ĐÌNH CHIẾN

ĐC 119, 1 ĐC 3.

ĐỊA LÍ BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Dành cho các trường phổ thông trong tỉnh)



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BAN KHOA HỌC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ HUY LUYỆN

Biên soạn

VŨ ĐÌNH CHIẾU

Sửa bản in

AN TRANG

LỜI NÓI ĐẦU

Trong chương trình thay sách cải cách giáo dục bộ môn Địa lý, phân Địa lý lớp 9 và lớp 12 phổ thông trung học có qui định dạy chính khóa (bắt buộc) một số bài về địa lý địa phương (cấp tỉnh) và được đánh giá qua kiểm tra lên lớp và thi tốt nghiệp các cấp học theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu trên, việc biên soạn tài liệu địa lý địa phương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, một tỉnh vừa mới được thành lập (theo nghị quyết kỳ họp thứ 9 quốc hội khóa 8) là rất cần thiết. Do vậy, Ban Khoa học tỉnh kết hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn tài liệu giảng dạy "Địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu" dùng cho các trường phổ thông trong tỉnh. Tài liệu gồm 3 phần.

- Phần I : Địa lý lớp 9, chương III : Địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Phần II : Địa lý lớp 12, chương II : Những vấn đề phát triển kinh tế xã hội.

- Phần III : Hướng dẫn giảng dạy địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (dùng cho giáo viên).

- Trong quá trình biên soạn, chúng tôi nhận được sự giúp đỡ của rất nhiều các cơ quan ban ngành trong tỉnh và tỉnh Đồng Nai. Do vậy, tài liệu giảng dạy địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sớm được hoàn thành để phục vụ kịp thời cho năm học 1992 - 1993.

Với một tỉnh mới được thành lập, lượng thông tin chưa nhiều, thời gian biên soạn và trình độ biên soạn lần đầu còn hạn chế, chắc rằng tài liệu sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các quý cơ quan và các giáo viên địa lý trong và ngoài tỉnh.

Vũng Tàu, tháng 12 năm 1992

Ban Khoa học - Sở Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐỊA LÝ LỚP 9 (1)

CHƯƠNG III

ĐỊA LÝ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BÀI 23

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

1. Vị trí địa lý, diện tích lãnh thổ :

a. Vị trí địa lý :

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng đồng bằng Nam Bộ, lãnh thổ bao gồm : Phần phía đông miền Đông Nam Bộ (với 3 huyện : Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc) và thành phố Vũng Tàu ở tọa độ địa lý : $10^{\circ}20'B - 10^{\circ}45'B$, $107^{\circ}D - 107^{\circ}35'D$, và một quần đảo nhỏ Côn Lôn (huyện Côn Đảo) ở phía nam biển Đông, cách Vũng Tàu về phía nam khoảng 180km, có tọa độ địa lý $8^{\circ}30'B$, $106^{\circ}35'D$.

b. Diện tích lãnh thổ :

Bà Rịa - Vũng Tàu là một tỉnh nhỏ, có diện tích 2.047km^2 (tương đương với thành phố Hồ Chí Minh, bằng $1/3$ tỉnh Đồng Nai), chiếm 0,6% diện tích cả nước, nhưng quản lý một phần

(1) Chương I : Địa lí dân cư. Chương II : Địa lí kinh tế Việt Nam.

phía nam biển Đông rộng hàng vạn km² đặt quyền kinh tế hết sức quan trọng.

Ở vị trí lãnh thổ này, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực sự là một cửa ngõ, đầu cầu quan trọng nhất của vùng kinh tế Nam Bộ hướng ra biển Đông, là một trong 3 trung tâm của một tam giác công nghiệp mạnh phát triển trong tương lai (thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu).

2. Địa hình :

Nằm trong vùng địa hình chuyển tiếp giữa cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ nên nét nổi bật về địa hình của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là : địa thế không cao lắm, chia cắt không mạnh, có xu thế thấp dần từ bắc xuống nam, phổ biến 3 dạng địa hình chính : miền đồi núi thấp, bậc thềm phù sa cổ và đồng bằng ven biển.

a. *Miền đồi núi thấp* : có độ cao từ 100m đến 300m là bộ phận cuối cùng của miền núi và cao nguyên đất đỏ miền Đông Nam Bộ từ Đồng Nai chạy xuống, tập trung ở phía bắc huyện Châu Thành, Xuyên Mộc. Địa hình ở đây phổ biến là các dải đồi thấp lượn sóng thoải rộng, xen kẽ có những khối núi hoa cương (Granit) dựng đứng nhô cao như : Thị Vải (467m), núi Dinh (504m) ở Châu Thành, núi Mây Tào (704m) ở Xuyên Mộc.

Riêng ở Côn Đảo, núi chiếm 88% diện tích toàn đảo, núi Thánh Giá cao nhất 577m.

b. *Bậc thềm phù sa cổ* : có độ cao từ 50m đến 100m, nằm ở phía nam miền đồi núi thấp, chạy dài từ phía tây Châu Thành đến phía đông Xuyên Mộc. Đây là một miền đất khá bằng phẳng (dạng đồi lượn sóng rất thoải và rộng) cấu tạo bằng phù sa cổ (đất xám) nay bị bạc màu. Nhiều nơi có phủ một lớp đất đỏ bazan trên mặt mặt nước.

c. *Đồng bằng ven biển* : có độ cao dưới 50m, chạy dọc theo bờ biển phía nam, thành tạo do phù sa sông và biển kết hợp, đang được phát triển. Địa hình phổ biến hiện nay là ruộng lúa bãi cát, cồn cát, bãi lầy. Ở một vài nơi nhô lên những ngọn núi hoa cương dựng đứng : Núi Lớn, Núi Nhỏ (Vũng Tàu),

Châu Viên (Long Đất)... làm cho cảnh quan thiên nhiên vùng ven biển thật kì thú.

3. Khí hậu :

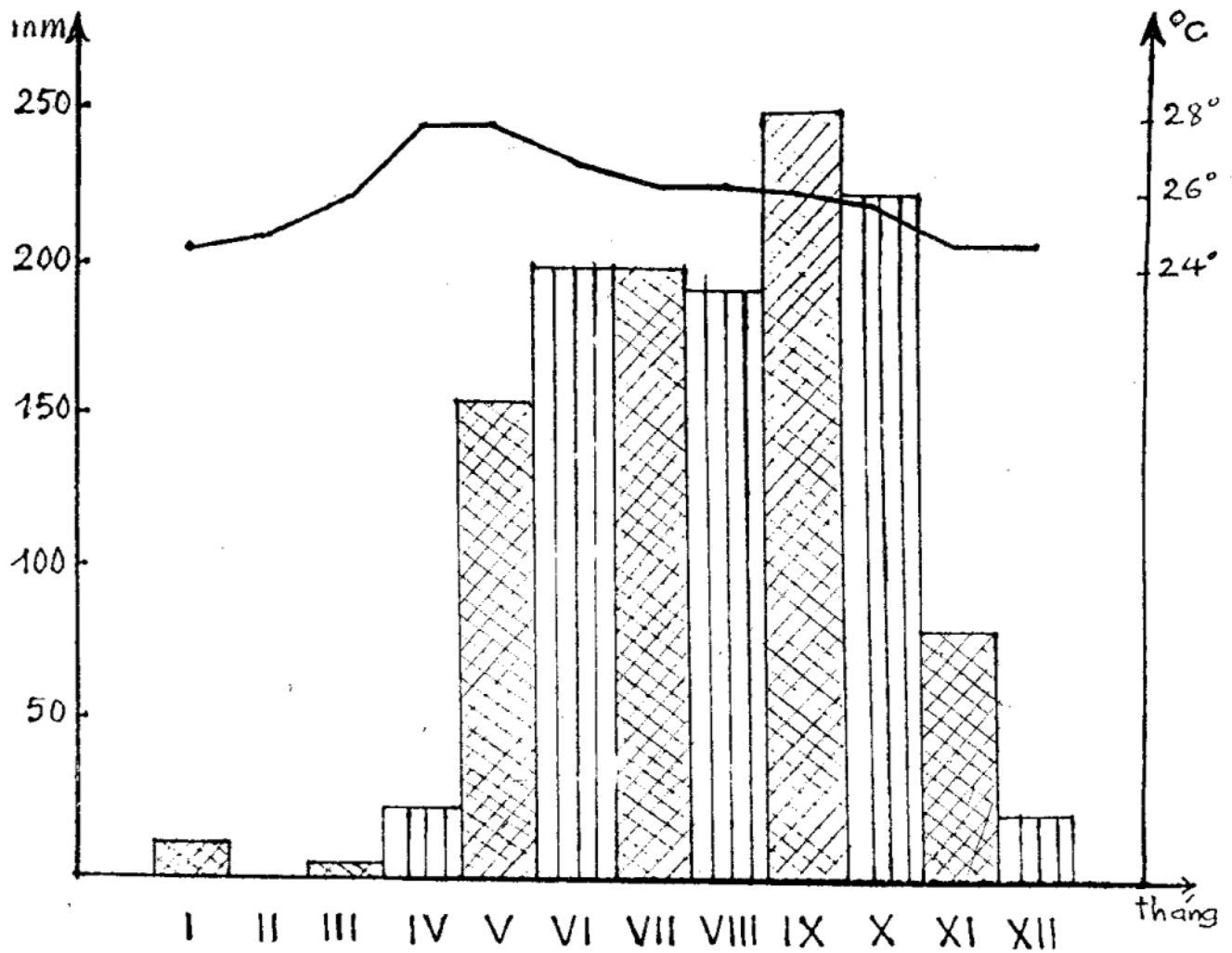
Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng khí hậu cận xích đạo, gió mùa nóng ẩm ổn định quanh năm, ít bão, lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của biển Đông nên khí hậu ôn hòa, mát mẻ hơn các địa phương khác trong vùng.

a. *Chế độ nhiệt* : toàn tỉnh có nền nhiệt cao đều trong năm, nhiệt độ trung bình năm từ 26°C đến 27°C, biên độ nhiệt thấp (3 - 5°C), nắng nhiều (2100 - 2600 giờ), tổng nhiệt hoạt động trong năm lớn (9500° - 10000°). Tháng tư nóng nhất, nhiệt độ trung bình trên 28°C, tháng một mát nhất, nhiệt độ trung bình 24°5 C.

b. *Chế độ gió và mưa* : khác với các tỉnh phía Bắc, chế độ gió mùa ở các tỉnh Nam Bộ (trong đó có Bà Rịa - Vũng Tàu) không gây biến động lớn đến chế độ nhiệt trong năm nhưng lại đem đến sự phân hóa sâu sắc về chế độ mưa trong năm : 6 tháng mùa mưa và 6 tháng mùa nóng khô.

- Mùa mưa : bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 10. Chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa Tây Nam từ Ấn Độ Dương vượt lên với đặc tính nóng ẩm gây mưa lớn ở Nam Bộ, đem đến cho tỉnh một lượng mưa khá lớn từ 1300 đến 1600mm, chiếm 95% lượng mưa cả năm, làm cho sản xuất nông lâm nghiệp và sinh hoạt khá thuận lợi.

Mùa nóng khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Chịu tác động thường xuyên của gió tín phong đông bắc (gió chướng) hoạt động với cường độ mạnh (cấp 5, cấp 6) có đặc tính hanh khô đem đến cho toàn tỉnh một mùa nóng khô kết đôi khá gay gắt, gây trở ngại cho sản xuất nông, lâm nghiệp và sinh hoạt của người dân, song cũng đem lại lợi ích khá lớn cho nhiều ngành kinh tế của tỉnh (du lịch, hải sản, lâm nghiệp xây dựng...)



BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG
 Ở VÙNG TÀU

Câu hỏi

1. Xác định trên lược đồ những tỉnh, thành phố mà tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp giáp, những huyện, thành phố của tỉnh, từ đó nêu lên ý nghĩa kinh tế của vị trí tỉnh ta ?

2. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có những dạng địa hình chính nào ? Đặc điểm và giá trị kinh tế của mỗi dạng địa hình đó ?

3. Khí hậu Bà Rịa - Vũng Tàu có những đặc điểm gì nổi bật ? Ảnh hưởng của nó đến các ngành kinh tế trong tỉnh ?

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU (tiếp theo)

4. Sông và biển

a. Các hệ thống sông : so với các tỉnh khác trong vùng, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có các hệ thống sông lớn chảy qua nhưng có nhiều hệ thống sông suối nhỏ.

- Hệ thống sông Cái lớn nhất tỉnh, nằm ở khu vực trung tâm, đổ ra biển Đông ở huyện Long Đất, có diện tích lưu vực 1500km^2 , do 3 sông con : Ray, Hòa, Bà Đấp hợp lại.

- Hệ thống sông Thị Vải do 3 suối lớn : Cã, Thái Phiên, Phú Mỹ hợp lại với diện tích lưu vực 650km^2 , đổ ra vịnh Gành Rái ở phía tây bắc huyện Châu Thành. Cửa sông Thị Vải khá rộng, lòng sâu trên 10m, nước triều lên xuống mạnh, hàm lượng phù sa không cao lắm nên có khả năng xây dựng cảng biển khá tốt.

- Hệ thống sông Dinh có diện tích lưu vực 310km^2 đổ ra vịnh Gành Rái ở địa phận Vũng Tàu. Nước sông Dinh cung cấp cho một khu vực dân cư đông nhất tỉnh (thị trấn Bà Rịa và thành phố Vũng Tàu) nên việc khai thác và bảo vệ nguồn nước ngọt sông Dinh rất quan trọng.

b. Biển và bờ biển :

Biển Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc thềm lục địa phía nam Tổ quốc ta, có đặc tính nóng quanh năm ($26 - 29^\circ\text{C}$) độ mặn trung bình 34‰..., nước sạch, ít bão.

- Bờ biển của tỉnh phân đất liền dài trên 100km có nhiều bãi cát đẹp (Vũng Tàu, Long Hải, Hò Tràm...), bãi triều (vùng Châu Thành). Nước triều ở đây lên xuống theo chế độ bán nhật triều khá ổn định, biên độ cao nhất đạt 4 - 5m.

- Vùng biển của tỉnh chứa đựng một kho tài nguyên khá phong phú : hải sản, dầu mỏ, muối, cát trắng, bãi tắm... khiến chúng ta trong công cuộc chinh phục biển làm giàu cho Tổ quốc, vừa khai thác vừa phải bảo vệ biển như thế nào để nguồn lợi biển nuôi sống mãi chúng ta.

5. Đất trồng (thổ nhưỡng) :

Căn cứ vào quá trình hình thành đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có hai hệ đất trồng chính :

a. *Hệ đất peralit* : hình thành chủ yếu trên nền đá núi lửa ở vùng đồi núi thấp của tỉnh, chiếm khoảng 57,5% đất tự nhiên (113.000 ha) phân bố tập trung ở Châu Thành, Xuyên Mộc, Côn Đảo. trong hệ đất này có đất đỏ sẫm và đất đen bazan rất thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp và cây ăn quả nhiệt đới.

b. *Hệ đất phù sa* : thành tạo do sự bồi tụ của phù sa sông biển trên các đồng bằng ven biển, chiếm 42,5% đất tự nhiên (83.000 ha) tập trung ở phía nam tỉnh. Hệ đất phù sa có nhiều loại đất : đất phù sa trẻ ở vùng Long Đất có giá trị kinh tế cao nhất, còn các loại đất xám bạc màu (phù sa cổ), đất cát, đất phèn, mặn... muốn đạt năng suất cây trồng cao cần phải bón phân canh tác hợp lý.

6. Thực động vật :

a. *Thực động vật trên cạn* : Rừng tự nhiên của tỉnh còn rất ít, khoảng 27.600 ha, chiếm 13,5% diện tích toàn tỉnh, chỉ bằng 1/2 độ che phủ rừng chung cả nước, lại đang bị suy giảm nghiêm trọng do nạn phá rừng bừa bãi, kéo theo nhiều loại động vật bị tiêu diệt. Để bảo vệ rừng nhất là khu rừng cấm quốc gia Bình Châu - Phước Bửu rộng 7.720 ha và rừng cấm quốc gia Côn Đảo rộng 6.043 ha, Ủy ban tỉnh đã ra chỉ thị đóng cửa rừng (tháng 7/1992) trong phạm vi toàn tỉnh, đồng thời có kế hoạch tu bổ, tái tạo, trồng rừng trên những vùng đất trống đồi trọc.

b. *Sinh vật biển* : Vùng biển của tỉnh có nguồn hải sản khá phong phú với hàng trăm loài cá, tôm, cua, rong biển, trong đó có những đặc sản quý như : đồi mồi, bào ngư, ốc tai tượng, vi cá mập... Vấn đề đáng quan tâm hiện nay là trong quá trình khai thác hải sản, khai thác dầu mỏ trên biển cần phải chú ý nghiêm ngặt việc bảo vệ tài nguyên sinh vật biển, môi trường biển.

7. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác :

- Tài nguyên khoáng sản ở Bà Rịa - Vũng Tàu không nhiều về chủng loại nhưng có ý nghĩa kinh tế đặc biệt quan trọng như : Dầu mỏ và khí thiên nhiên ở vùng thềm lục địa có khả năng khai thác hàng chục triệu tấn năm. Cát trắng Bình Châu làm nguyên liệu thủy tinh, pha lê chất lượng cao. Các loại đá hoa cương, pôzôlan làm vật liệu xây dựng rất tốt. Nước khoáng Suối Nghệ dùng để giải khát, chữa bệnh đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nước khoáng nóng Bình Châu trị liệu y học khá hiệu quả.

- Các cảnh quan thiên nhiên kì thú ở Vũng Tàu, Long Hải, Hồ Tràm, Côn Đảo kết hợp hài hòa với các công trình văn hóa, di tích lịch sử nổi tiếng khiến cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thể mạnh rất lớn về du lịch nội địa và quốc tế bốn mùa.

Câu hỏi

1. Dựa vào lược đồ hãy xác định các hệ thống sông và vùng biển của tỉnh ? Từ đó nêu ý nghĩa kinh tế của chúng ?

2. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có những loại đất trồng chính nào ? Giá trị kinh tế và vấn đề sử dụng các loại đất trồng này ?

3. Rừng ở tỉnh ta tại sao đang bị suy giảm nghiêm trọng ? Để bảo vệ rừng chúng ta cần phải làm gì ?

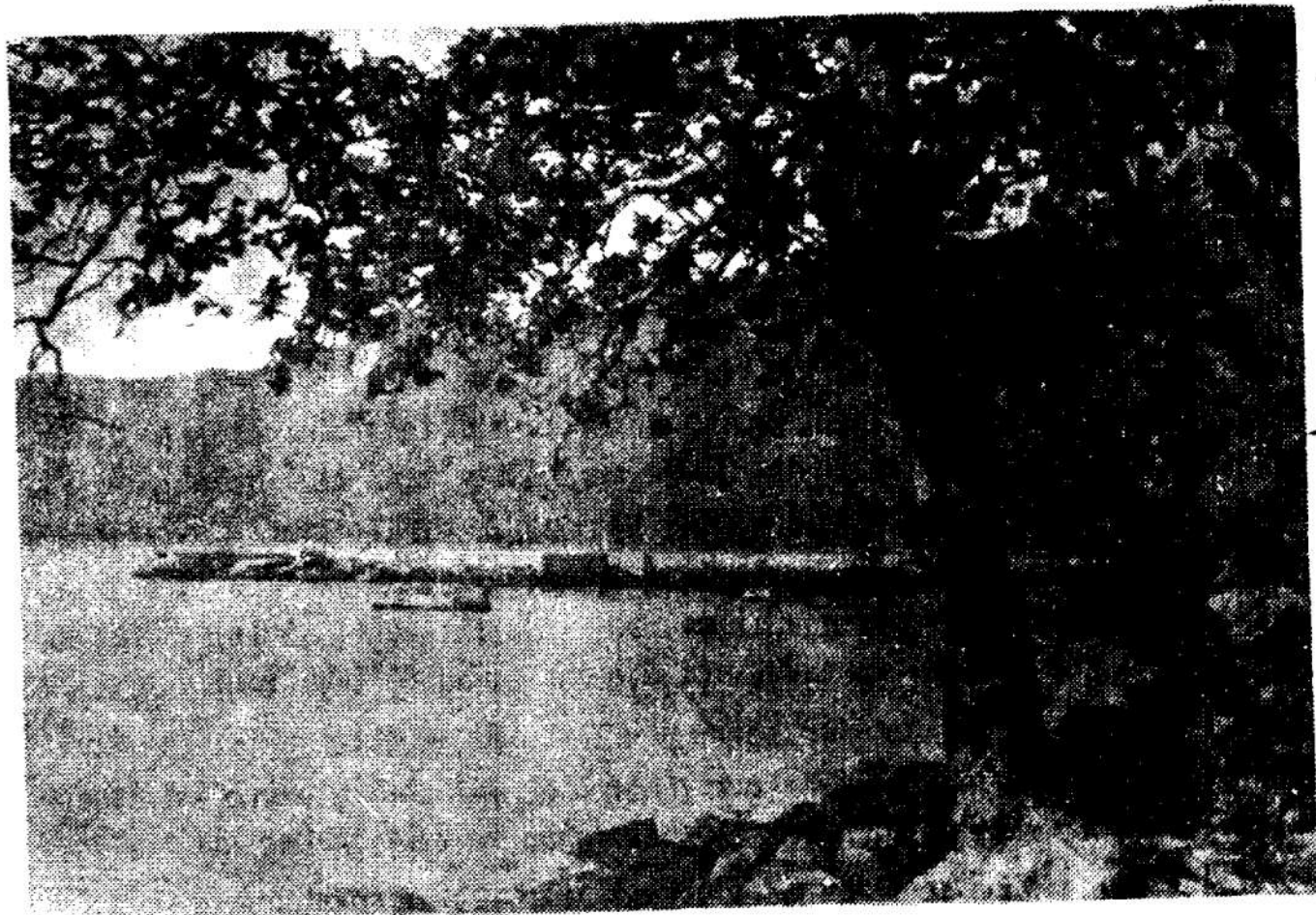
4. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có những tài nguyên thiên nhiên nào quan trọng ? Vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường của tỉnh ?

BÀI ĐỌC THÊM

I. RỪNG CẤM QUỐC GIA CÔN ĐẢO

Nằm chơ vơi giữa thềm lục địa nam biển Đông, quần đảo Côn Lôn (huyện Côn Đảo) với núi non hiểm trở, khí hậu nóng ẩm quanh năm (cận xích đạo) lại cách xa đất liền tạo điều kiện cho việc bảo tồn một khu rừng cấm nguyên sinh rộng 6.042 ha trên 14 hòn đảo.

Theo điều tra sơ bộ khu rừng cấm quốc gia Côn Đảo tồn tại dưới 3 dạng sinh thái : rừng thường xanh nhiệt đới ẩm, rừng đồi cát khô hạn và rừng sát, hậu rừng sát. Thực vật ở đây khá



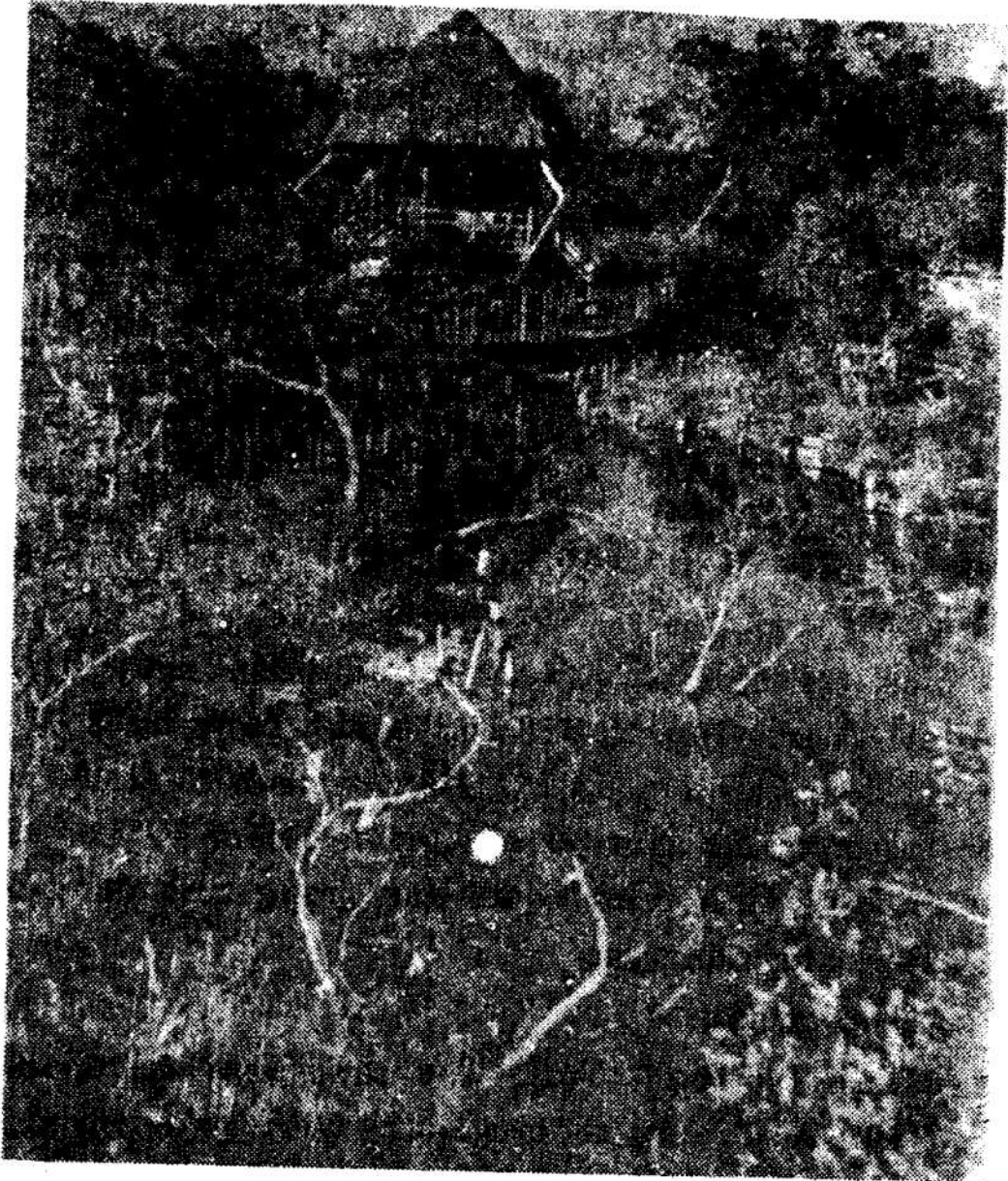
Câu tàu mới Côn Đảo

phong phú với 316 loài thuộc 22 bộ, 71 họ, 191 giống. Gần như rừng nguyên sinh Côn Đảo là một viện bảo tàng thu nhỏ các loài thực vật trên đất nước ta, trong đó có 261 loài cây gỗ, 76 loài cây thuốc nam. Đặc biệt ở Côn Đảo có 4 loài cây gỗ quý (đặc hữu) : cẩm lai, lát hoa, quăng, găng.

Động vật sinh tồn trong khu rừng cấm này cũng khá phong phú, đa dạng, khoảng 100 loài chim thú thuộc 50 họ, 22 bộ. Trong các loài chim thú, quý nhất là sóc mun đen tuyền, chim gà m ghi trắng vì ở nhiều nơi khác trên đất nước ta chưa thấy. Ngoài ra ở đây còn có ó biển, trăn, sóc đỏ dạ, sóc bay, khỉ vàng... Hòn Trứng còn là một sân chim nổi tiếng ở Côn Đảo.

Côn đảo với chiều dài lịch sử oai hùng, với vị trí địa lý đặc biệt trên biển Đông, với thiên nhiên ưu đãi một khu rừng nguyên sinh giữa biển cả, chắc chắn nơi đây là điểm hẹn đầy hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư, nhà bảo tồn nghiên cứu thiên nhiên trên đất nước ta và thế giới.

II. RỪNG CẨM QUỐC GIA BÌNH CHÂU - PHƯỚC BỬU



Suối nước Khoáng Bình Châu

Thật không ngờ ven bờ biển Đông ở nước ta còn lưu giữ được một khu rừng nguyên sinh ven biển duy nhất : Bình Châu - Phước Bửu thuộc huyện Xuyên Mộc. Khu rừng nguyên sinh này chạy dọc theo bờ biển 15km với diện tích 7.720 ha. Thực vật ở đây có 3 kiểu tiêu biểu : rừng thưa hơi khô cây họ đậu, rừng dày ẩm thường xanh nửa rụng lá trên đất đỏ bazan và rừng chuyển tiếp giữa 2 kiểu rừng trên, nổi bật là rừng tràm. Theo điều tra bước đầu, thực vật ở đây có 340 loài thuộc 19 họ, trong đó có loài gỗ quý như cẩm lai, gỗ đỏ, những loài hoa đẹp như

phong lan, thiên tuế, huỳnh mai. Động vật cư trú trong khu rừng cấm này cũng khá phong phú với 17 bộ, 32 họ, 63 loài, nổi tiếng như voi, trâu rừng, hươu, phượng hoàng đất, công...

Rừng cấm quốc gia Bình Châu - Phước Bửu là một đặc ân của thiên nhiên dành cho tỉnh ta, đang được rất nhiều nhà khoa học quan tâm trong việc bảo tồn gìn, đồng thời khu rừng này đang là điểm du lịch và phòng hộ ven biển của tỉnh ta.

BÀI 25

ĐỊA LÝ DÂN CƯ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

1. Dân số và sự gia tăng dân số :

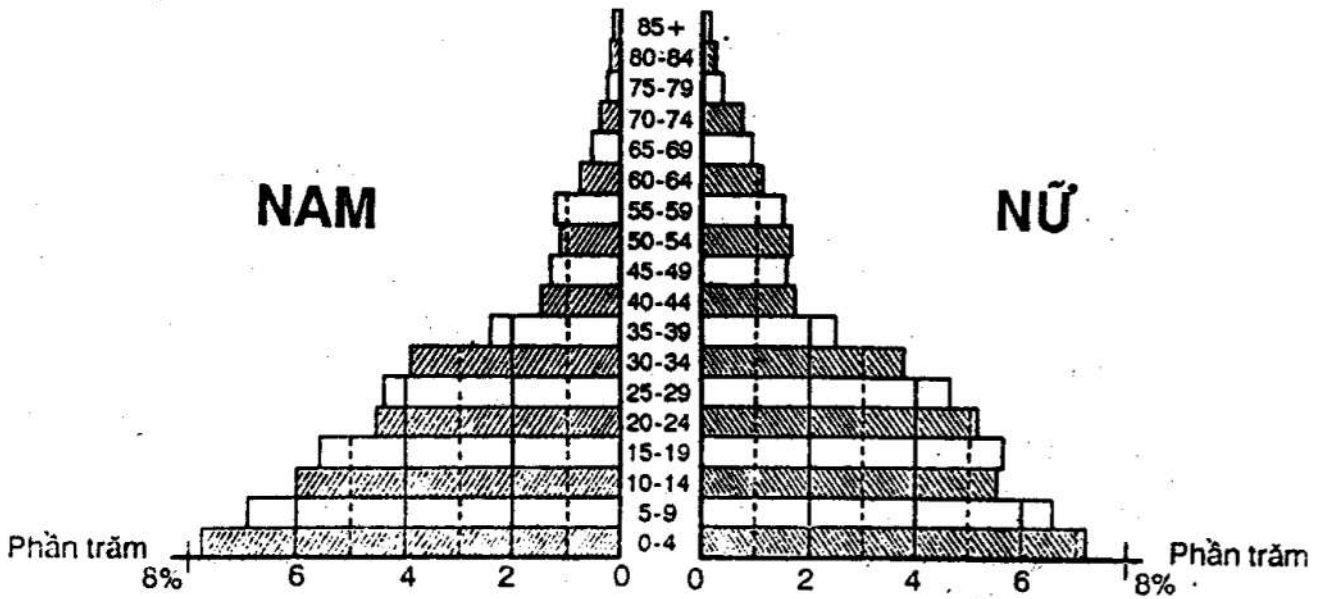
a. Dân số :

Theo điều tra dân số suy rộng, tính đến ngày 31/12/1991 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 623.158 người, bằng 0,9% số dân cả nước, trong đó nữ chiếm 53,2%. Dân số tỉnh ta thuộc loại trẻ, có nguồn lao động lớn gần 30 vạn người chiếm 49% số dân. Đời sống vật chất và tinh thần người dân trong tỉnh đang được ổn định và ngày càng nâng cao.

b. Sự gia tăng dân số :

Dân số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tăng vào loại nhanh trong cả nước. Năm 1991 tăng thêm gần 24.000 người, do tỉ lệ tăng tự nhiên còn cao 2,33% và gia tăng cơ học còn lớn (9.700 người). Với mức gia tăng như hiện nay, dự kiến đến năm 1995 số dân của tỉnh khoảng 70 vạn người. Dân số tăng nhanh sẽ gây ra nhiều khó khăn đến việc ổn định và phát triển xã hội của tỉnh (việc làm, đời sống, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường...). Chính vì vậy việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con là chính sách dân số hàng đầu của tỉnh. Đồng thời phải có chính sách nhập cư và điều hòa dân cư hợp lý cho mỗi địa phương trong tỉnh. Làm được như vậy mới tránh được những gay cán hiện nay, để từng bước ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

NHÓM TUỔI



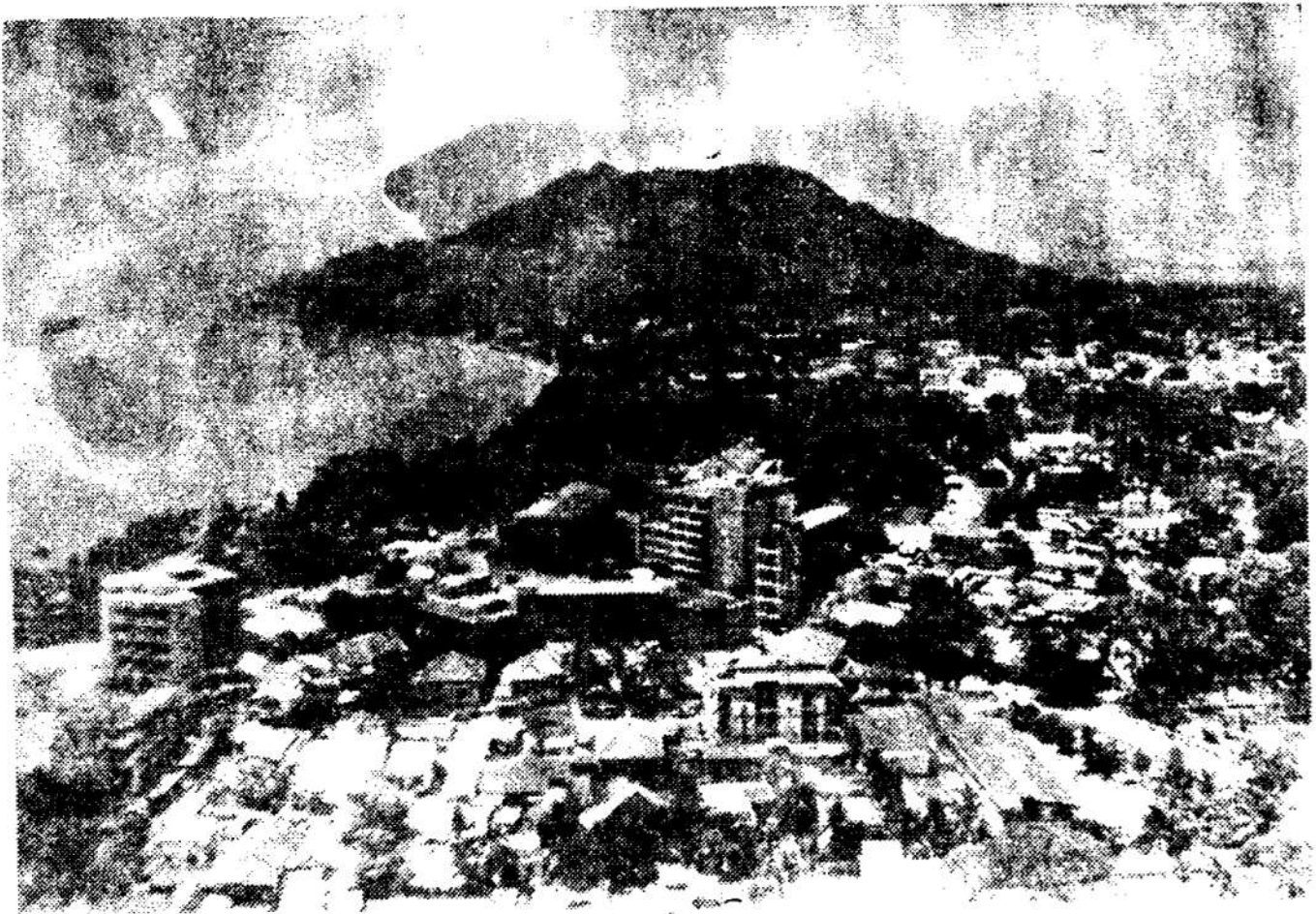
THÁP DÂN SỐ TOÀN TỈNH

2. Tình hình phân bố dân cư :

Mật độ dân số trung bình của tỉnh là 304 người/km² (1991), cao hơn toàn quốc 1,5 lần. Giữa các địa phương trong tỉnh sự phân bố dân cư không đồng đều. Thành phố Vũng Tàu có mật độ dân cư cao nhất 823 người/km² (không tính xã Long Sơn sẽ tới 1500 người/km²). Các huyện : Châu Thành 292 người/km², Long Đất 571 người/km², Xuyên Mộc 156 người/km² và Côn Đảo 20 người/km².

Giữa thành thị và nông thôn, dân cư cũng có sự chênh lệch lớn : 67% dân cư sống ở nông thôn, họ hoạt động chủ yếu trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Dân cư sống ở thành thị chiếm 33% số dân, họ hoạt động trong

THƯ VIỆN TỔNG HỢP
 TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
 SỐ V. HC 284 NAM - 97



Bãi trước Vũng Tàu

các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại, hải sản, giao thông...

3. Thành phần dân tộc :

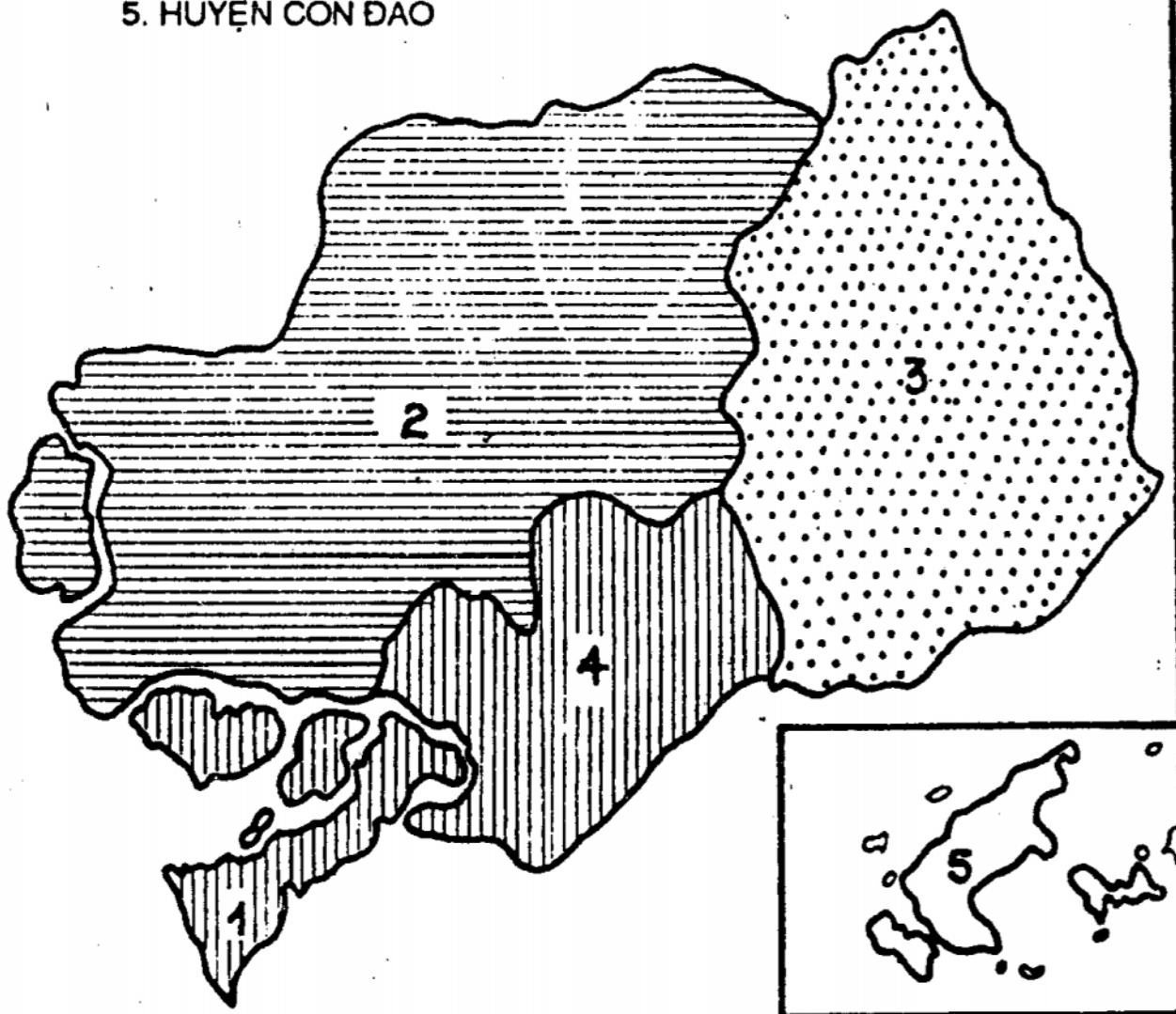
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 20 thành phần dân tộc sinh sống. Trong quá trình lịch sử các thành phần dân tộc đã chung sống gắn bó mật thiết với nhau, cùng đoàn kết xây dựng và bảo vệ quê hương, Tổ quốc Việt Nam từ lâu đời. Trong các thành phần dân tộc của tỉnh, đông nhất là người Việt (Kinh) chiếm 97,25% số dân. Người Việt sống ở khắp nơi trong tỉnh nhưng tập trung nhất ở thành phố, thị trấn, dọc theo trục lộ giao thông, làng cá, làng cao su,.... Người Việt có trình độ phát triển kinh tế xã hội cao, là trung tâm của khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh.

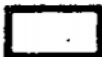



Ngoài người Việt, trong tỉnh còn có 19 thành phần dân tộc khác : người Hoa (đông thứ hai), người Chơ Ro, người Khơ Me, người Tày... và người nước ngoài. Các dân tộc này có trình độ

MẬT ĐỘ DÂN SỐ CHIA THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

DANH SÁCH CÁC HUYỆN

1. THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
2. HUYỆN CHÂU THÀNH
3. HUYỆN XUYỀN MỘC
4. HUYỆN LONG ĐẤT
5. HUYỆN CÔN ĐÀO



CHÚ GIẢI :  < 50  201 – 500
Người/km²  101 – 200  501 – 1.000

phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Hiện nay, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong tỉnh đang có chính sách thỏa đáng nhằm giúp đỡ các dân tộc ít người nhất là các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa được nâng lên một bước về vật chất và tinh thần.

4. Tổ chức hành chính :

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 4 huyện và 1 thành phố với 53 xã, phường, thị trấn.

Huyện Châu Thành có diện tích và số dân đông nhất tỉnh. Thành phố Vũng Tàu là trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính hiện nay của tỉnh. Các huyện Long Đất, Xuyên Mộc, Côn Đảo, mỗi huyện đều có những thế mạnh riêng của mình về kinh tế, xã hội, tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giàu mạnh về kinh tế - xã hội so với các tỉnh, thành trong cả nước.

Câu hỏi

1. Dân số và gia tăng dân số của tỉnh có thuận lợi và trở ngại gì ? Chính sách dân số của tỉnh ta hiện nay ra sao ?

2. Dân cư của tỉnh ta hiện nay phân bố như thế nào ?

3. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có mấy thành phần dân tộc ? Chính sách dân tộc của tỉnh ta hiện nay như thế nào ?

BÀI 26

ĐỊA LÝ KINH TẾ TỈNH BÀ RIJA - VŨNG TÀU

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

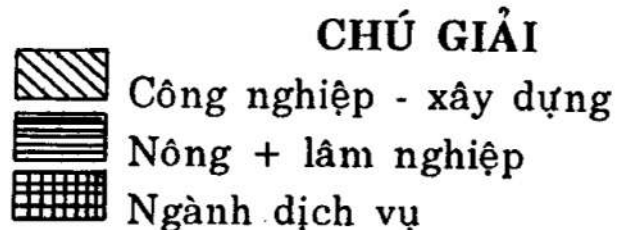
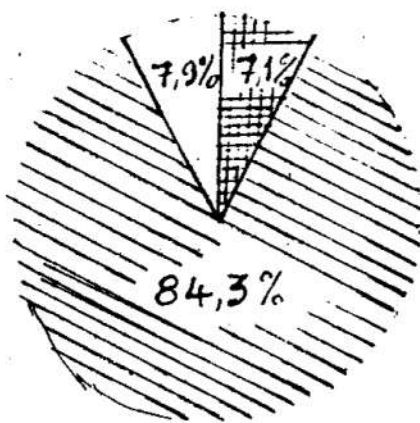
1. Thực trạng kinh tế :

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuy mới được thành lập nhưng hiện trạng đã có một cơ cấu kinh tế đa dạng, bao gồm nhiều ngành kinh tế : công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ... và nhiều thành phần kinh tế : quốc doanh, tập thể, gia đình, tư nhân, liên doanh nước ngoài. Trong kinh tế : lấy hiệu quả kinh

tế, chất lượng sản phẩm làm tiêu chuẩn sống còn của sản xuất kinh doanh, lấy cơ chế thị trường làm động lực, mục tiêu của sự phát triển. Tuy nhiên, trong công cuộc đổi mới kinh tế của tỉnh còn nhiều hạn chế : kinh tế quốc doanh chưa đứng vững, một số dự án đầu tư nước ngoài hoạt động kém hiệu quả, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương còn nhỏ bé, kinh tế dịch vụ phát triển chưa cân đối, sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, rừng bị tàn phá nghiêm trọng...

2. Phương hướng phát triển kinh tế 1992 - 1995

Miền Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế công nông nghiệp, dịch vụ phát triển hơn các vùng kinh tế khác của cả nước, nhất là khai thác lãnh thổ theo chiều sâu, đang có xu hướng hình thành một tam giác công nghiệp mạnh : thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu. Bên cạnh đó, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn có những thế mạnh đặc thù về tài nguyên, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, đường lối chính sách... làm cơ sở vững chắc để tỉnh xây dựng một cơ cấu kinh tế : công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, vận động theo cơ chế thị trường, đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định



Hình 6 : CƠ CẤU KINH TẾ 1991

hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hợp tác đầu tư trong và ngoài nước... nhằm từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân góp phần vào công cuộc đổi mới nền kinh tế phồn vinh của đất nước.

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Ngành công nghiệp :

a. *Công nghiệp trung ương* đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có vai trò đặc biệt quan trọng, tiêu biểu nhất là ngành khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

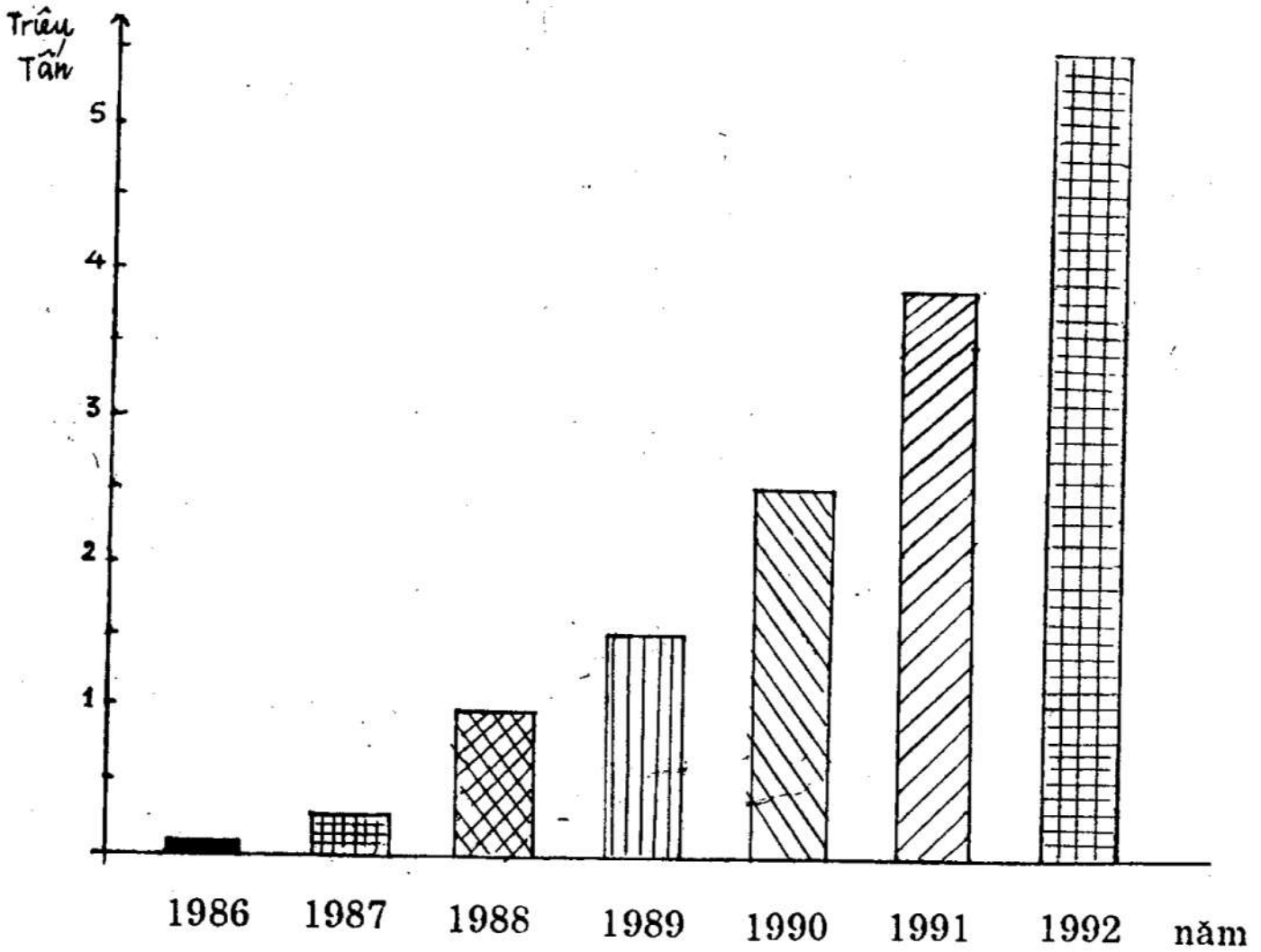
- Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành công nghiệp non trẻ nhất ở nước ta nhưng ngày càng có nhiều triển vọng để trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn hàng đầu của đất nước. Dự báo đến năm 2000 , tỷ trọng công nghiệp dầu khí sẽ chiếm khoảng 25% giá trị công nghiệp cả nước. Việc khai thác dầu khí trên vùng biển của tỉnh (mỏ Bạch Hổ) đang tiến triển nhanh do xí nghiệp Liên doanh dầu khí Việt - Xô đảm nhiệm. Sản lượng khai thác dầu thô ngày càng tăng nhanh, năm 1986 : 40.500 tấn, đến cuối năm 1992 đã đạt 5,5 triệu tấn và khả năng đạt từ 8 đến 10 triệu tấn vào năm 1995.

Hiện nay trên vùng biển nam Côn Đảo còn có nhiều công ty nước ngoài (Anh, Hà Lan, Ấn Độ, Canada...) đang tiến hành thăm dò dầu khí và có dấu hiệu khả quan, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta xây dựng một khu công nghiệp hóa dầu đầu tiên trên địa bàn tỉnh ta trong những năm tới.

- Công nghiệp điện lực : Nhu cầu về điện cho sản xuất và sinh hoạt ở tỉnh ta ngày càng tăng nhanh. Nguồn điện của tỉnh do Công ty Điện lực II cung cấp bằng hệ thống đường dây cao thế và trạm biến thế 110 KV, cùng với các đường dây hạ thế về các huyện. Hiện nay, để bổ sung cho nguồn điện của vùng và của tỉnh, Công ty Điện lực II đang xây dựng nhà máy tuốc - bin khí Bà Rịa với công suất 110.000 KW nhằm giảm bớt sự thiếu hụt về điện trầm trọng hiện nay.

b. *Công nghiệp địa phương* của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn

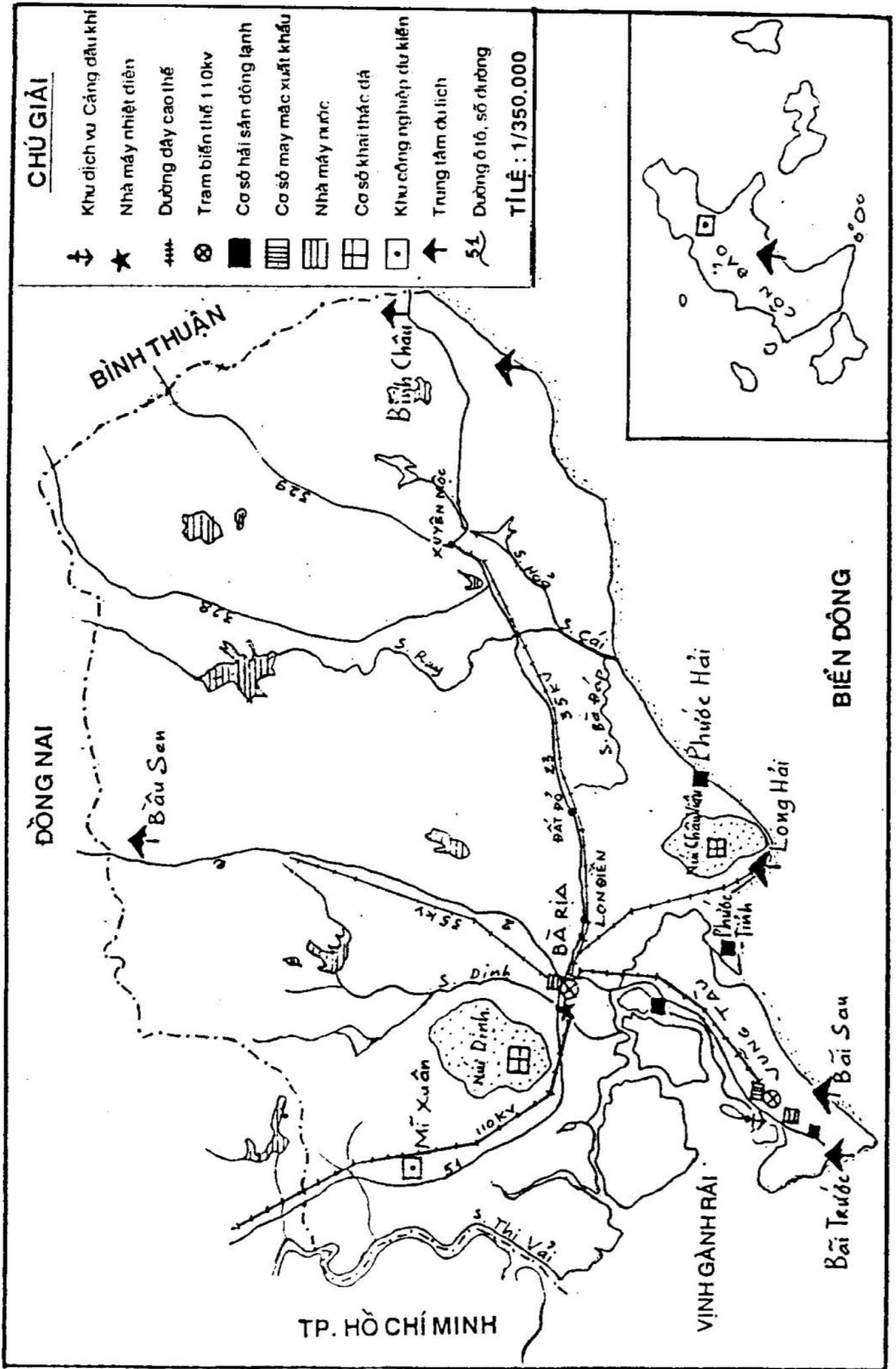
rất nhỏ bé song đã góp phần hỗ trợ cho công nghiệp trung ương và đáp ứng nhu cầu địa phương và xuất khẩu.



Hình 7 : BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU THÔ

- Công nghiệp chế biến lương thực, hải sản chiếm vị trí hàng đầu trong công nghiệp của tỉnh với những cơ sở xay xát gạo ở Bà Rịa, Long Đất. Chế biến hải sản đông lạnh xuất khẩu (có 6 cơ sở) ở Vũng Tàu, Long Đất với công suất 22 tấn/ngày. Ngoài ra còn có rất nhiều cơ sở chế biến hải sản thủ công

Hình 8 : LƯỢC ĐỒ CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU



truyền thống như nước mắm, mắm ruốc, cá khô... ở các địa phương.

- Các ngành công nghiệp địa phương khác như : Xí nghiệp nước đá, nước máy, cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, may xuất khẩu, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ... cũng đang được đầu tư thích đáng để vươn lên ngang tầm với tiềm năng còn rất dồi dào của tỉnh.

2. Ngành dịch vụ :



Khách sạn Lam Sơn

Ngành dịch vụ được coi là thế mạnh kinh tế thứ hai trong cơ cấu kinh tế của tỉnh (sau công nghiệp). Trong hoạt động dịch vụ, dịch vụ dầu khí chiếm vị trí quan trọng nhất, tập trung chủ yếu ở thành phố Vũng Tàu. Hiện nay, tỉnh mới đáp ứng được một phần về dịch vụ hậu cần : ở, sinh hoạt, tiêu dùng, vật tư, bến cảng, kho tàng... Tương lai cần phải vươn lên

đảm nhiệm dịch vụ kỹ thuật, lao động, thông tin... cho các công ty liên doanh nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh.

Sau dịch vụ dầu khí, dịch vụ du lịch của tỉnh phát triển rất nhanh vào loại nhất trong cả nước. Dựa vào ưu thế độc đáo về thiên nhiên, di tích lịch sử, công trình văn hóa, tỉnh đang từng bước đầu tư nâng cấp các khách sạn, bãi tắm, khu vui chơi, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa... để đủ sức tiếp nhận hàng triệu lượt khách du lịch nội địa và hàng vạn khách du lịch quốc tế trong năm. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có nhiều tổ chức kinh doanh du lịch của trung ương, địa phương, nhân dân và liên doanh với nước ngoài. Những trung tâm du lịch nổi tiếng của tỉnh là : Vũng Tàu, Côn Đảo, Long Hải, Bình Châu....

Ngoài hai ngành dịch vụ trên, tỉnh đang nỗ lực đầu tư vào các ngành dịch vụ : thương mại, hậu cần hàng hải, nông - lâm - ngư nghiệp, nhà ở, ngân hàng... mà tiềm năng của tỉnh còn rất lớn.

Câu hỏi

1- *Nêu thực trạng và phương hướng phát triển kinh tế của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ nay đến năm 1995 ?*

2- *Công nghiệp của tỉnh hiện đang phát triển như thế nào ? Khả năng phát triển trong tương lai ?*

3- *Tại sao ngành dịch vụ được coi là thế mạnh kinh tế thứ hai của tỉnh ? Hiện đang tập trung phát triển những ngành dịch vụ nào ? Ở đâu ?*

BÀI 27

ĐỊA LÝ KINH TẾ TỈNH BÀ RIJA - VŨNG TÀU

(tiếp theo)

3. Các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp :

a. *Nông nghiệp :*

+ Trong nông nghiệp, ngành trồng trọt là ngành sản xuất

chính, nó thu hút gần 50% lao động toàn tỉnh, đóng góp 65% giá trị sản lượng nông nghiệp, sử dụng trên 62.000 ha đất nông nghiệp (chiếm 88,6% đất nông nghiệp toàn tỉnh). Để đảm bảo cho trồng trọt tiến hành quanh năm nhất là vào mùa nóng khô, tỉnh đang tập trung xây dựng cải tạo 14 hồ chứa nước (với dung tích 42,4 triệu m³ năm) 12 đập ngăn nước đủ khả năng tưới cho 4.500 ha lúa và 700 ha cà phê. Bên cạnh đó tỉnh đang nghiên cứu đưa giống cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với sản xuất từng địa phương trong tỉnh.

- Trong cây lương thực, tỉnh đều coi trọng cả lúa và hoa màu (ngô, sắn, khoai) với diện tích canh tác trên 41.000 ha, đạt sản lượng 109.400 tấn, bình quân theo đầu người 180kg (1991), với 3 mùa vụ : đông xuân, hè thu và vụ mùa (vụ chính).

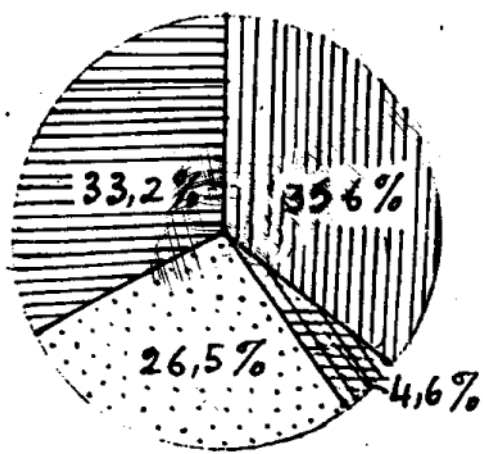
Cây lúa trồng tập trung ở huyện Long Đất, Châu Thành chiếm 21.550 ha cho sản lượng 58.200 tấn với năng suất bình quân 27 tạ/ha (thấp so với các địa phương khác trong vùng).

Cây hoa màu (ngô, khoai, sắn) trồng tập trung trên vùng đất cao, đất cát ở các huyện Châu Thành, Xuyên Mộc, Long Đất với diện tích 19.400 ha và sản lượng 51.200 tấn qui thóc.





Các loại cây rau, đậu được trồng tập trung ở ven thành phố Vũng Tàu, thị trấn Bà Rịa, Long Điền đang có vị trí ngày càng lớn cho nhu cầu thực phẩm của nhân dân.

- Trong cây công nghiệp tỉnh đang chú trọng đầu tư vào vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm như cao su 23.200 ha, cà phê 3.700 ha, điều 5.100 ha, tiêu và một số cây công nghiệp hàng năm có triển vọng tốt như lạc (đậu phộng) 6.400 ha, đậu nành 1.000 ha, bông vải, mía... ở hai huyện Châu Thành và Xuyên Mộc.

+ Chăn nuôi : trong những năm gần đây đang có xu hướng phát triển mạnh để trở thành ngành sản xuất chính của tỉnh. Năm 1991 chiếm 35% giá trị sản lượng nông nghiệp. Hình thức chăn nuôi gia đình chiếm ưu thế, chăn nuôi quốc doanh đang chuyển hướng sang khâu tạo giống, chế biến thức ăn, dịch vụ thú y và tiêu thụ sản phẩm.



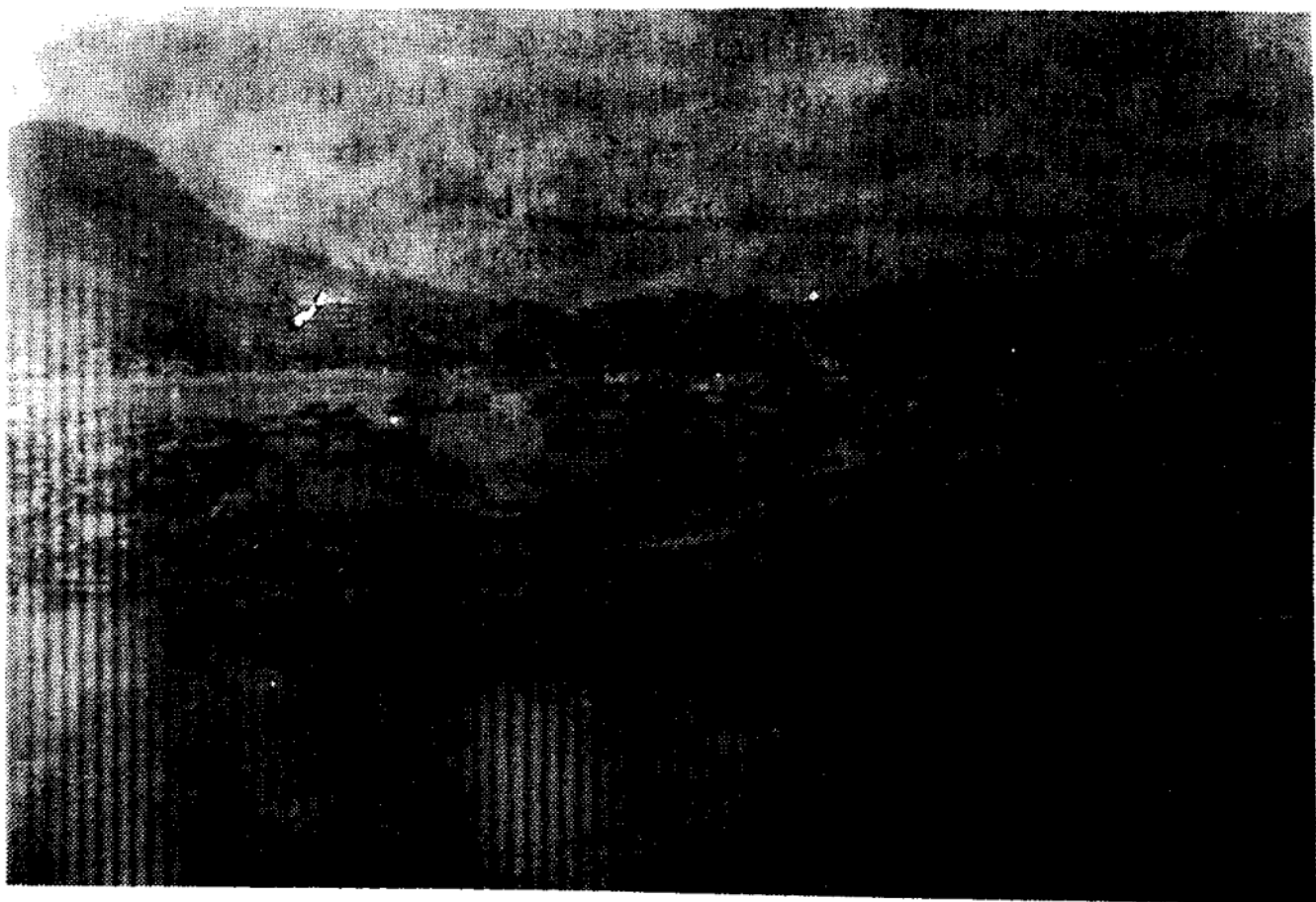
CHÚ GIẢI

-  Đất nông nghiệp
-  Đất lâm nghiệp
-  Đất thổ cư
-  Đất khác

Hình 9 : CƠ CẤU ĐẤT TỰ NHIÊN

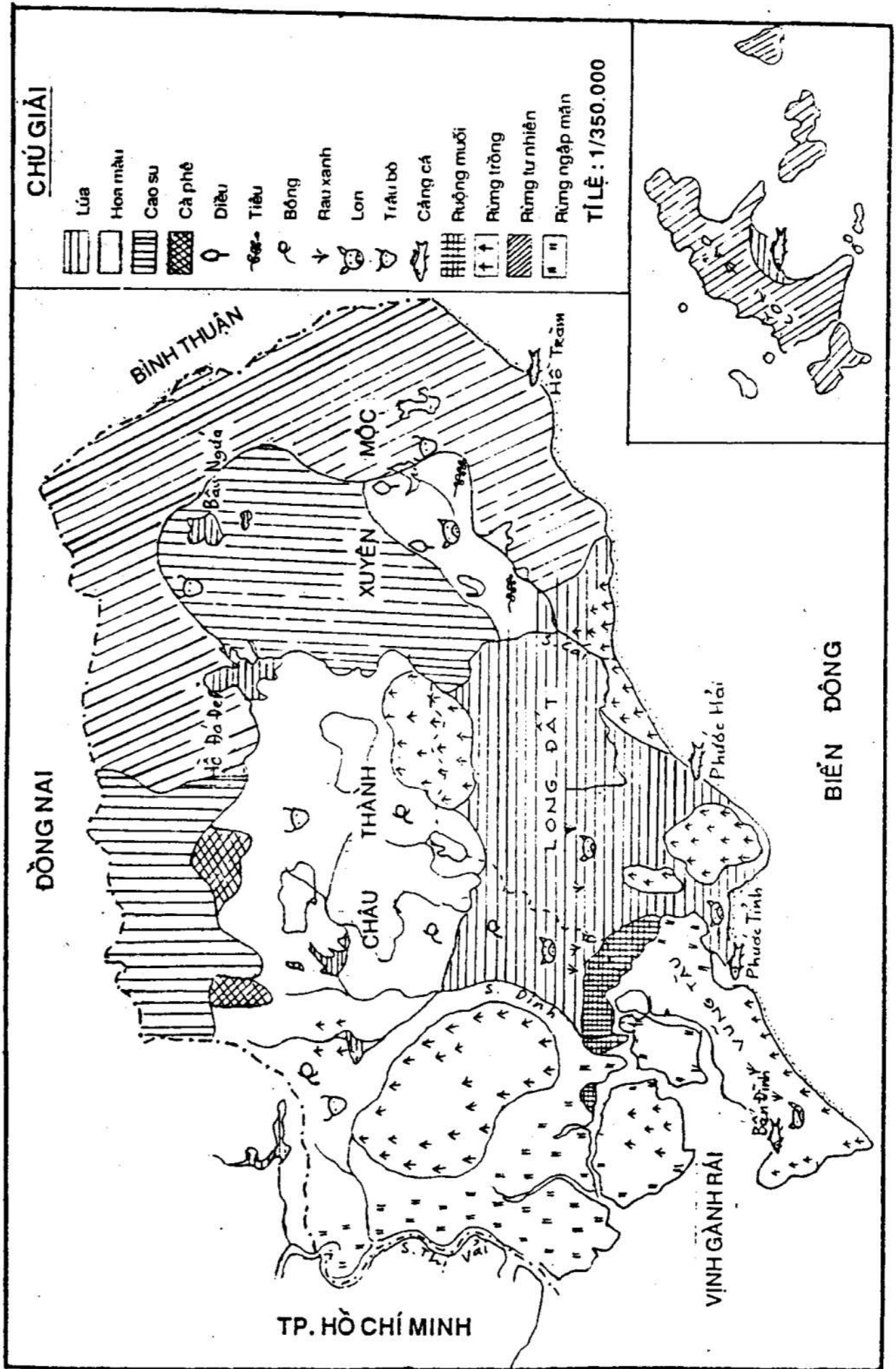
Trong đàn gia súc của tỉnh, hiện có 26000 con trâu bò, 57200 con lợn (heo) và hơn 1 triệu con gia cầm (gà, vịt) ¹

b. Ngư nghiệp :



Bến cá Vũng Tàu

Hình 10: LƯỢC ĐỒ NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU



So với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có ưu thế lớn nhất về nghề cá biển. Dựa vào ngư trường rộng lớn và phong phú, nghề cá biển của tỉnh đánh bắt quanh năm với nghề khơi và nghề lộng. Hiện nay tỉnh có phương tiện đánh bắt khá lớn 2.436 tàu thuyền máy. Năm 1991, sản lượng hải sản đạt 59.000 tấn, năm 1992 đạt 70.000 tấn (khả năng đánh bắt trên 100.000 tấn năm). Những làng cá Bến Đình, Bến Đá (Vũng Tàu), Phước Tỉnh, Phước Hải (Long Đất) là những địa phương nổi tiếng về nghề cá biển của tỉnh.

Song song với việc đánh bắt hải sản, nghề nuôi trồng thủy sản của tỉnh cũng đang được chú trọng đầu tư phát triển dựa vào diện tích mặt nước khá lớn 5.500 ha (ven biển, sông hồ) tỉnh đang sử dụng 2.760 ha vào nuôi tôm (2.580 ha), nuôi cá xuất khẩu theo phương pháp tự nhiên hoặc công nghiệp với phương thức đấu thầu, khoán gọn cho ngư dân chủ động kinh doanh.

c. Lâm nghiệp :

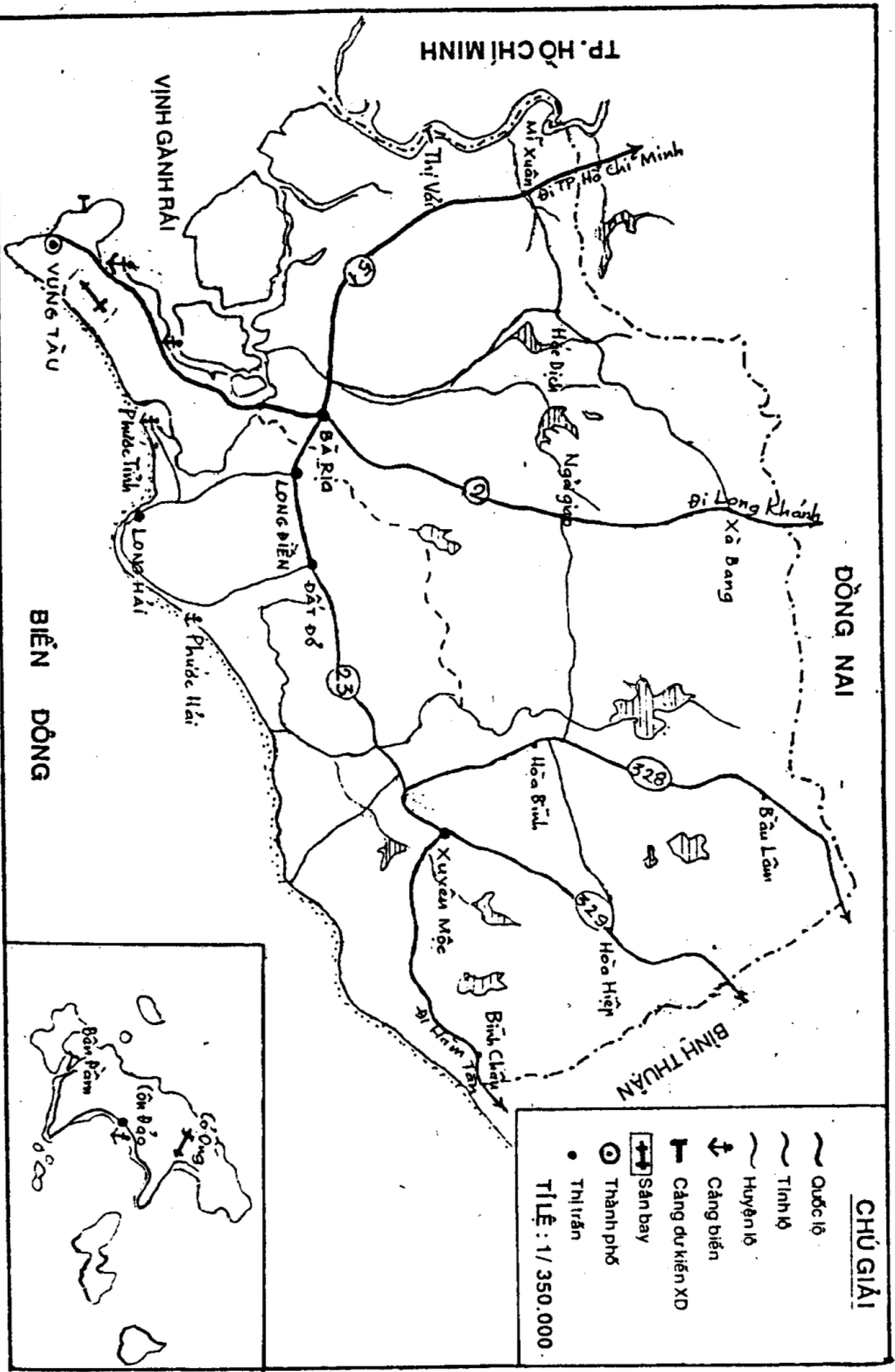
So với các tỉnh Đông Nam Bộ, rừng tự nhiên của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn ít nhất, mấy năm gần đây lại khai thác không đúng kế hoạch làm cho diện tích rừng bị suy giảm nghiêm trọng, buộc Ủy ban tỉnh phải ra chỉ thị đóng cửa rừng, cấm khai thác gỗ trong phạm vi toàn tỉnh. Trong khi đó, việc trồng rừng tiến hành còn chậm, hiện nay, rừng mới trồng có 16.000 ha nhưng diện tích đất trồng, đòi trực lại khá lớn (40.000 ha) và đang có nguy cơ tăng lên. Nên việc bảo vệ rừng, tu bổ, tái tạo lại rừng là một yêu cầu cấp bách để bảo vệ môi sinh, nguồn nước, đất trồng, rừng cấm của tỉnh.

4. Giao thông vận tải và bưu điện

Giao thông vận tải và bưu điện là cơ sở hạ tầng quan trọng bậc nhất trong công cuộc đổi mới phát triển kinh tế hiện nay. Huyết mạch giao thông chính của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dựa vào hệ thống giao thông đường bộ và đường biển.

- Giao thông vận tải biển của tỉnh chiếm vị trí ngày càng

Hình 11 : LƯỢC ĐỒ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU



lớn để đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế ngày càng cao của vùng kinh tế Nam Bộ hướng ra biển Đông. Cảng biển quốc tế Vũng Tàu đang có xu thế phát triển mạnh với nhiều phân cảng : dầu khí, thương mại, hải sản,... Tương lai cảng Thị Vải (Châu Thành) cảng Bến Đầm (Côn Đảo) sẽ trở thành những cảng biển quan trọng của vùng và cả nước.

- Giao thông vận tải đường bộ : quốc lộ 51 nối liền thành phố Vũng Tàu với khu công nghiệp Biên Hòa và thành phố Hồ Chí Minh là trục giao thông chính trên bộ của tỉnh. Trên tuyến đường này vận chuyển hành khách, hàng hóa, vật tư... hoạt động nhộn nhịp suốt ngày đêm với khối lượng luân chuyển rất lớn. Ngoài ra các tuyến đường liên tỉnh như tỉnh lộ 2 (Bà Rịa đi Xuân Lộc), tỉnh lộ 23 (Bà Rịa đi Hàm Tân, Thuận Hải) đang được tu bổ nâng cấp cùng với các hệ thống đường liên huyện đảm bảo cho nhu cầu giao thông thường xuyên của tỉnh.

- Đường hàng không của tỉnh có sân bay Vũng Tàu, Cỏ Ống (Côn Đảo) đảm nhiệm dịch vụ chủ yếu cho khai thác dầu khí trên biển Đông.

- Bưu điện : hiện nay mạng lưới bưu điện của tỉnh hoạt động khá rộng với 9 tổng đài điện thoại, trong đó trung tâm bưu điện Vũng Tàu có hệ thống tổng đài điện tử 3.000 số kết hợp với mạng lưới Fax, Telex đủ sức đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc nội địa và quốc tế cho hoạt động kinh tế và an ninh quốc phòng.

5. Kinh tế đối ngoại :

Việc mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài để phát triển nhanh kinh tế của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là một yêu cầu rất cần thiết. Thực tại tỉnh đã ký 32 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn 130 triệu USD, trong đó 17 dự án làm ăn có hiệu quả. Trong những năm tới tỉnh đang nỗ lực gọi vốn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp hóa dầu, khu chế xuất, khu du lịch, các kết cấu hạ tầng, gia công chế biến, cảng biển, ngân hàng... Song sự hợp tác luôn luôn phải dựa trên quan điểm bình đẳng hai bên cùng có lợi.

Câu hỏi

1. Ngành nông nghiệp của tỉnh hiện đang phát triển như thế nào ? Có những tiến bộ và hạn chế gì ?

2. Tại sao nói : nghề cá biển của tỉnh là một ưu thế lớn nhất trong các tỉnh miền Đông Nam Bộ ?

3. Hiện nay tỉnh ta có những loại đường giao thông vận tải nào chủ yếu ? Xác định trên lược đồ các tuyến đường bộ, cảng biển quan trọng.

4. Vì sao việc hợp tác đầu tư nước ngoài là một yêu cầu rất cần thiết để phát triển nhanh kinh tế của tỉnh ? Hãy nêu những dự án hợp tác đem lại hiệu quả tốt cho tỉnh.

PHỤ LỤC

VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

1. THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

1. Điều kiện tự nhiên :

Thành phố Vũng Tàu nằm ở phía nam huyện Châu Thành, bao gồm bán đảo Vũng Tàu (83 km²) và đảo Long Sơn (90 km²) với diện tích 173 km². Địa hình chủ yếu của Vũng Tàu là đồng bằng phù sa biển (đất cát) đang được tiếp tục phát triển. Những dải cồn cát chạy dọc bờ biển phía đông (Bãi Sau) dài trên 10km, có độ cao trung bình 20 - 25m, tạo nên một bãi tắm đẹp, hấp dẫn khách bốn phương. Ở cuối bán đảo Vũng Tàu có Núi Lớn cao 250m và Núi Nhỏ cao 138m. Trên đảo Long Sơn có núi Nửa cao 183m làm cho cảnh quan vùng Duyên Hải thêm đa dạng kì thú. Khí hậu Vũng Tàu mát dịu quanh năm, nhiệt độ trung bình từ 25° - 27°C, tạo điều kiện tốt cho du lịch bốn mùa. Sông Dinh chảy ở phía bắc thành phố dài trên 10km, thuận lợi cho việc giao thông và đánh bắt hải sản. Biển Vũng Tàu nước sạch, độ mặn trung bình 32 - 35‰, nhiều chỗ có mơn nước sâu, kín gió, tạo thuận lợi để xây dựng cảng biển ở vùng vịnh Gành Rái.

2. Điều kiện xã hội :

Thành phố Vũng Tàu có số dân trên 14 vạn người, tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất tỉnh 1,7% nhưng lại có mật độ dân cư cao nhất tỉnh 1500 người/km² (trừ xã Long Sơn). Đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân Vũng Tàu phát triển khá cao. Nơi đây, hiện là trung tâm kinh tế, hành chính của tỉnh. Vũng Tàu có những công trình văn hóa nổi tiếng như Bạch Dinh, Niết Bàn Tịnh Xá, Thích Ca Phật Đài.

3. Tình hình kinh tế :

Thành phố Vũng Tàu hiện là trung tâm đầu tiên của cả nước về khai thác và dịch vụ dầu khí, đang có xu thế phát triển mạnh do sự mở rộng hợp tác thăm dò và khai thác dầu

khí ở thêm lục địa phía nam. Các ngành dịch vụ khác cũng đang trên đà phát triển mạnh. Du lịch là ngành truyền thống của Vũng Tàu, với hệ thống khách sạn, nhà nghỉ biệt thự, bãi tắm... đang được nâng cấp với trình độ thế giới để đủ sức tiếp nhận hàng triệu lượt khách trong nước và hàng vạn khách quốc tế trong năm. Các ngành dịch vụ thương mại, hậu cần hàng hải, đầu tư ngân hàng, nhà ở... cũng đang phát triển nhanh và có khả năng rất lớn.

Các ngành công nghiệp chế biến hải sản đông lạnh, cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, tiểu thủ công nghiệp truyền thống cũng khá phát triển, song chưa tương xứng với tiềm năng của mình. Vũng Tàu còn là một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống cảng biển quốc tế, quốc lộ 51 nối liền với trung tâm kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Biên Hòa...

Thành phố Vũng Tàu đang thực sự trở thành một trung tâm công nghiệp, du lịch, hàng hải mạnh của cả nước, đang được nhiều nhà đầu tư quan tâm hợp tác.

II. HUYỆN CHÂU THÀNH

1. Điều kiện tự nhiên :

Châu Thành nằm ở phía tây bắc và khu vực trung tâm của tỉnh, là huyện có diện tích lớn nhất 870 km². Địa hình phổ biến của Châu Thành là đồi núi thấp đất đỏ bazan tập trung ở phía bắc. Trong vùng có những khối núi đá hoa cương bị xâm thực mạnh, nứt vỡ nên rất sắc xảo như núi Thị Vải, núi Dinh, làm cơ sở vật liệu xây dựng rất tốt. Phía nam huyện là dải đồi bậc thềm phù sa cổ đất xám bạc màu. Dọc theo bờ biển phía tây có nhiều bãi lầy, rừng sát phát triển phong phú. Châu Thành có hệ thống sông Dinh (Xoài), sông Thị Vải đổ ra vịnh Gành Rái có giá trị lớn về cung cấp nước và xây dựng cảng biển. Nước khoáng Suối Nghệ có chất lượng dinh dưỡng cao dùng để xuất khẩu.

2. Điều kiện xã hội :

Số dân huyện Châu Thành có 264.000 người (đông nhất tỉnh) chủ yếu sống ở nông thôn, mật độ trung bình 292 người/km², song tập trung đông nhất ở thị trấn Bà Rịa, dọc

theo quốc lộ 51 và làng cao su. Sự gia tăng tự nhiên của huyện còn rất cao 2,8% gây khó khăn lớn về nhiều mặt trong đời sống kinh tế xã hội của huyện. Huyện Châu Thành có 17 thành phần dân tộc. Đời sống của người dân trong huyện nhìn chung chưa cao lắm, nhất là các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa phía bắc huyện như người Chơ Ro, Bru... Châu Thành là vùng đất được khai phá vào loại sớm nhất tỉnh. Trong huyện có những di tích lịch sử nổi tiếng như địa đạo Long Phước, nhà Tròn (Bà Rịa) hay thắng cảnh Bàu Sen (Xà Bang).

3. Tình hình kinh tế :

Châu Thành là huyện trọng điểm về nông nghiệp của tỉnh. Cây công nghiệp chiếm ưu thế nhất 20.000 ha, trong đó cây lâu năm trồng trên đất đỏ bazan, đất xám, có vị trí kinh tế lớn như cao su 13.000 ha, cà phê 3.500 ha, bông vải đang có xu thế tăng nhanh. Hiện nay cây lương thực (lúa và hoa màu), chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản cũng rất được chú trọng phát triển.

Châu Thành có thị trấn Bà Rịa, một trung tâm đầu mối giao thông, kinh tế của tỉnh. Dự kiến Bà Rịa sẽ trở thành thị xã, cơ quan hành chính của tỉnh. Cảng Thị Vải, khu công nghiệp Mỹ Xuân ở phía tây bắc huyện đang được qui hoạch phát triển, chắc chắn sẽ đem lại cho huyện một khả năng phát triển kinh tế giàu mạnh trong tương lai.

III. HUYỆN XUYÊN MỘC :

1. Điều kiện tự nhiên :

Huyện Xuyên Mộc nằm ở phía đông của tỉnh có diện tích 640 km². Địa hình phổ biến là đồi núi thấp, nghiêng dần từ bắc xuống nam. Ở đây có núi Mây Tào cao nhất tỉnh 704m. Khí hậu vùng Xuyên Mộc nóng và khô hơn các vùng khác trong tỉnh. Đất trồng vùng này có nhiều loại, tốt nhất là đất đen, đất đỏ bazan, đất phù sa mới. Đất xám bạc màu, đất cát ven biển nếu được cải tạo chăm sóc tốt cũng cho năng suất cây trồng cao. Xuyên Mộc có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất tỉnh 23.565 ha, trong đó có khu rừng cấm Bình Châu - Phước Bửu. Song tình trạng tàn phá rừng trong mấy năm gần đây rất

nghiêm trọng, làm cho rừng già bị giảm sút nhanh, kéo theo các loại động vật quý ngày càng ít đi. Xuyên Mộc có cát trắng, suối khoáng nóng Bình Châu, bãi biển Hồ Tràm kết hợp với rừng nguyên sinh ven biển tạo nên thế mạnh về du lịch, lâm viên và công nghiệp của huyện.

2. Điều kiện xã hội :

Dân số ở huyện Xuyên Mộc tăng rất nhanh, nhất là trong mấy năm gần đây do tình trạng nhập cư tự do của người dân miền Trung, miền Bắc tràn vào, cộng với gia tăng tự nhiên cao 2,84%. Đến cuối năm 1991 huyện có 98.500 người (trước năm 1975 khoảng 3.000 người) làm cho việc giải quyết công ăn việc làm, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên rừng của huyện rất khó khăn. Do vậy, đời sống của nhân dân trong huyện vào loại thấp nhất tỉnh.

3. Tình hình kinh tế :

Thế mạnh kinh tế của huyện Xuyên Mộc là trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp, hải sản, du lịch. Hiện nay huyện đang tập trung đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây cao su (đã có 6.755 ha), cây điều, cây tiêu và một số cây công nghiệp ngắn ngày. Chăn nuôi trâu bò 5.000 con, lợn 12.000 con đang được chú trọng phát triển. Việc bảo vệ, tu bổ và trồng rừng trên 20.000 ha đất trống đồi trọc là yêu cầu rất cấp bách hiện nay của huyện. Bên cạnh đó huyện đang gọi vốn đầu tư vào du lịch Bình Châu, khai thác chế biến cát trắng... Giao thông của huyện có các đường tỉnh lộ 23, 328, 329 đi Hàm Tân đang được mở rộng nâng cấp.

IV. HUYỆN LONG ĐẤT :

1. Điều kiện tự nhiên :

Long Đất là huyện đồng bằng ven biển ở phía nam tỉnh, có diện tích 287 km². Ngoài đồng bằng đất cát và đất phù sa, ở Long Đất còn có khối núi Châu Viên đứng sát biển tạo nên một phong cảnh ngoạn mục với bãi tắm Long Hải hấp dẫn khách thập phương. Long Đất nằm trong vùng hạ lưu hệ thống sông Cái kết hợp với một vùng biển rộng, giàu hải sản là một ngư trường khai thác quan trọng của tỉnh.

2. Điều kiện xã hội :

Dân số Long Đất có 118.200 người, gia tăng tự nhiên không cao 1,83% - nhưng mật độ dân số đứng thứ hai tỉnh 571 người/km². Cư dân Long Đất sống tập trung ở thị trấn Long Điền, Long Hải và làng cá Phước Tỉnh, Phước Hải. Long Đất nổi tiếng với chiến khu Minh Đạo, quê-hương của nữ anh hùng Võ Thị Sáu sống mãi với tuổi xuân đất nước.

3. Tình hình kinh tế :

Long Đất là một vựa lúa lớn của tỉnh, diện tích trồng lúa 7.000 ha đạt năng suất bình quân 34 tạ/ha với cánh đồng lúa nổi tiếng xã Tam An. Ngư nghiệp cũng là thế mạnh của huyện có 744 tàu thuyền, hàng năm đánh bắt 34.000 tấn hải sản. Các làng cá Phước Tỉnh, Phước Hải nổi tiếng về chế biến hải sản thủ công khắp vùng. Nghề muối ở Long Đất phát triển mạnh nhất tỉnh, hàng năm sản xuất 35.000 tấn. Du lịch Long Hải với bãi tắm đẹp, khách sạn khang trang hòa nhập với các thắng cảnh chùa Long Bàn, đình Long Phước, nhà Chúa Hòa, chiến khu Minh Đạo tạo thành một quần thể du lịch hấp dẫn.

V. HUYỆN CÔN ĐẢO :

1. Điều kiện tự nhiên :

Quần đảo Côn Lôn huyện Côn Đảo với 16 đảo rộng 76,7 km². Trong đó đảo Côn Lôn lớn nhất, chiếm 67% diện tích toàn đảo. Ngoài ra còn 13 đảo vây quanh như Hòn Bà, Hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau... Núi ở Côn Đảo chiếm 88% diện tích, đỉnh Thánh Giá cao nhất đảo 577m. Côn Đảo có rừng nguyên sinh quý hiếm, có ngư trường hải sản phong phú, dưới bồn trũng quanh Côn Đảo tiềm ẩn một vùng dầu khí đầy triển vọng, nằm trên một vị trí giao thông hàng hải quốc tế rất thuận lợi, đó là tiềm năng kinh tế độc đáo của Côn Đảo.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội :

Cư dân huyện Côn Đảo có rất ít 1.575 người, sống tập trung ở khu vực thị trấn Côn Đảo, bằng nghề khai thác hải sản và nông nghiệp.

Côn Đảo lừng danh thế giới với tên gọi ghê người "địa ngục

trần gian", nay đang được bảo tồn, tôn tạo để trở thành khu di tích lịch sử quý giá của dân tộc.

Kinh tế Côn Đảo hiện đang phát triển chưa đáng kể, song với những thế mạnh nổi tiếng của mình, Côn Đảo đang có nhiều phương án xây dựng có tính khả thi để trở thành một quần đảo giàu đẹp trên biển Đông với khu du lịch thiên nhiên và di tích lịch sử, với khu dịch vụ hàng hải Bến Đầm, với khu công nghiệp nhẹ và sân bay Cỏ Ống.



Cầu tàu Côn Đảo.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊA LÝ LỚP 12 (1)

CHƯƠNG II

NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (tiếp theo)

BÀI 15-16

THỰC HÀNH : TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BÀI 15

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG THỰC HÀNH

A. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG :

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ :

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuy mới được thành lập song những vấn đề về địa lý kinh tế - xã hội của tỉnh đã có một quá trình phát triển từ lâu, nổi bật lên là những vấn đề tiêu biểu sau đây mà chúng ta cần quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu :

1. Vấn đề phát triển xã hội : Dân số, lao động và việc làm.
2. Vấn đề phát triển kinh tế :

(1) Chương I : Các nguồn lực chính để phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

- Công nghiệp khai thác và dịch vụ dầu khí.
- Dịch vụ du lịch.
- Nông nghiệp, ngư nghiệp.

Khi tiến hành thực hành, ở mỗi lớp 12 tùy theo hoàn cảnh cụ thể của học sinh và địa phương mà tổ chức phân ra các nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu tìm hiểu một vấn đề nêu trên.

II. THU THẬP VÀ XỬ LÝ TÀI LIỆU :

1. Thu thập tài liệu :

Sau khi đã xác định vấn đề nghiên cứu tìm hiểu, chúng ta cần tiến hành phác thảo đề cương và dự kiến những tài liệu định thu thập. Đây là một bước quan trọng không thể thiếu được trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu một vấn đề địa lý kinh tế - xã hội.

Ở tỉnh ta, các nguồn thông tin tài liệu phổ biến mà chúng ta cần thu thập, tìm hiểu là :

- Các loại báo, tạp chí của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Thông tin khoa học công nghệ tỉnh.
- Các niên giám thống kê, dân số của tỉnh.
- Các văn kiện, báo cáo của các cơ quan, Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh.
- Tài liệu địa lý lớp 9 : địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Đi khảo sát tìm hiểu thực tế địa phương về vấn đề nghiên cứu.

2. Xử lý tài liệu :

Tài liệu thu thập được qua nhiều nguồn về vấn đề nghiên cứu thường rất nhiều, số liệu đôi khi có sự khác nhau nên việc xử lý tài liệu là một công việc phức tạp để chuẩn hóa các số liệu đáng tin cậy nhất làm cơ sở cho chúng ta phân tích, tổng hợp vấn đề, rút ra những nhận xét, nhận định có tính khoa học của vấn đề tìm hiểu.

III. TRÌNH BÀY VẤN ĐỀ DƯỚI DẠNG MỘT BÀI VIẾT (BÁO CÁO)

Trên cơ sở những tài liệu thu thập đã được xử lý, rút ra những nhận định có tính khoa học của vấn đề nghiên cứu,

chúng ta cần hoàn chỉnh đề cương chi tiết. Sau đó, chúng ta trình bày vấn đề nghiên cứu dưới dạng một bài viết theo nội dung cụ thể sau đây :

Nêu ý nghĩa tầm quan trọng của vấn đề, khả năng, thực trạng, kết luận và hướng giải quyết vấn đề. Bên cạnh phần bài viết cần có các sơ đồ, biểu đồ, lược đồ cần thiết hỗ trợ, làm rõ cho những nhận định, kết luận của vấn đề nghiên cứu.

B. PHẦN HƯỚNG DẪN CỤ THỂ :

Để giúp cho bài thực hành đạt kết quả, dưới đây là một số tư liệu cơ bản cần thiết cho các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà chúng ta cần quan tâm nghiên cứu.

I. Dân số, lao động và việc làm :

Bảng 1 : DÂN SỐ LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM (ĐẾN CUỐI NĂM 1991)

	Toàn tỉnh	Vũng Tàu	Châu Thành	Long Đất	Xuyên Mộc	Côn Đảo
Diện tích (km ²)	2047,45	173	870	287	640	76,7 1570
Dân số (người)	623000	140600	264200	118200	98500	
Tỉ lệ sinh (%)	26,6	19,9	31,4	22,4	31,2	
Tỉ lệ chết (%)	3,3	2,8	3,4	4,1	2,8	
Tỉ lệ tăng TN (%)	2,33	1,71	2,8	1,83	2,84	
Tăng cơ học (ng)	9720	4210	2530	55	2920	
Số dân thành thị (ng)	212600	128000	17500	33300		
Số dân nông thôn (ng)	410500	12600	246600	84800	98500	1570
Số dân trong						
tuổi lao động (ng)	298200	75600	119800	55000	45100	910
+ CN + xây dựng	52000	24700	10300	11900	4900	170
+ Nông ngư nghiệp	127800	6400	75500	17000	28700	200
+ Giao thông bưu điện	6400	2700	1300	2100	260	70
Ngành khác	47300	23400	11700	8200	3700	300
Chưa có việc làm	17400	6800	5300	4100	1200	40

Bảng 2. DÂN SỐ CHIA THEO NHÓM TUỔI TOÀN TỈNH*Đơn vị tính : người*

Nhóm tuổi	TỔNG SỐ	Nam	Nữ	Tỷ lệ nữ (%)	Cơ cấu tuổi (%)
A	1	2	3	4	5
TỔNG SỐ	578.503	284.312	294.191	50,85	100,00
0 - 4 tuổi	86.377	44.615	41.762	48,35	14,93
5 - 9 tuổi	78.095	40.015	38.080	48,76	13,49
10 - 14 tuổi	66.928	34.561	32.367	48,36	11,56
15 - 19 tuổi	65.277	32.748	32.529	49,83	11,28
20 - 24 tuổi	55.807	26.062	29.745	53,30	9,65
25 - 29 tuổi	52.496	25.463	27.033	51,50	9,07
30 - 34 tuổi	44.585	22.504	22.081	49,53	7,71
35 - 39 tuổi	28.216	13.818	14.398	51,03	4,88
40 - 44 tuổi	18.915	8.778	10.137	53,59	3,27
45 - 49 tuổi	16.509	7.307	9.202	55,74	2,85
50 - 54 tuổi	16.368	7.017	9.351	57,13	2,83
55 - 59 tuổi	15.363	7.097	8.266	53,80	2,66
60 - 64 tuổi	11.398	5.213	6.185	54,26	1,97
65 - 69 tuổi	8.945	3.834	5.111	57,14	1,55
70 - 74 tuổi	6.129	2.632	3.497	57,06	1,06
75 - 79 tuổi	3.974	1.549	2.425	61,02	0,69
80 - 84 tuổi	1.998	738	1.260	63,06	0,35
85 - 89 tuổi	874	282	592	67,73	0,15
90 - 94 tuổi	153	54	99	64,71	0,03
95 - 99 tuổi	66	21	45	68,18	0,01
100 tuổi trở lên	30	4	26	86,67	0,005

* Gợi ý nội dung bài viết :

1. Vấn đề dân số :

- Nêu lên ý nghĩa của vấn đề dân số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Nhận định về tình hình phát triển dân số : số dân, gia tăng tự nhiên, cơ học, chính sách dân số của tỉnh.

- Nhận xét về tình hình phân bố dân cư : mật độ dân cư, chênh lệch giữa nông thôn - thành thị, giữa các huyện, thành phố.

- Vẽ biểu đồ tháp dân số, lược đồ phân bố dân cư.

2. Vấn đề lao động và việc làm :

- Nhận định về nguồn lao động của tỉnh : số lượng, chất lượng (trình độ nghề nghiệp, trình độ văn hóa) cơ cấu và phân bố lao động...

- Vấn đề việc làm của tỉnh ta hiện nay, nhu cầu và xu hướng lao động và việc làm của tỉnh ta trong tương lai.

II. CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ :

1. Bảng 3 : Sản lượng dầu thô khai thác qua các năm :

Năm	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992
Sản lượng (triệu tấn)	0,04	0,28	1,0	1,5	2,5	3,9	5,5

2. Những sự kiện và con số đáng lưu ý :

- Ngày 19/06/1981 ký hiệp định liên doanh dầu khí Việt - Xô tại Matxcơva.

- Đầu năm 1984 tàu Mirchin khoan thăm dò dầu mỏ.

- Ngày 22/03/1984 chân đế giàn khoan số 1 đưa ra biển.

- Ngày 26/06/1986 bắt đầu khai thác được dầu.

- Vốn đầu tư 1,2 tỉ rúp (tương đương 300 triệu USD) dự kiến hết năm 1992 hoàn lại vốn.

- Hiện nay có 9 giàn khoan cố định và 1 giàn khoan di động ở vùng mỏ Bạch Hổ, kế hoạch năm 1993 - 1994 sẽ đưa mỏ Rồng và mỏ Đại Hùng vào khai thác.

- Số công nhân ở liên doanh dầu khí Việt - Xô là 5.000 người (4.000 công nhân Việt Nam).



Cảng Dầu Khí

- Chất lượng dầu thô vào loại tốt, thuộc loại "SVEET" ít lưu huỳnh (0,05-0,08% trọng lượng) ít nito.

- Năm 1987 nước ta bắt đầu xuất khẩu dầu thô ra nước ngoài.

3. Cơ sở dịch vụ dầu khí :

- Khu cảng dầu khí Vũng Tàu dài 867m cho tàu 1 vạn tấn cập bến, có hệ thống kho tàng, bến bãi, khu gia công chân đế giàn khoan...

- Cảng không bến ở khu vực giàn khoan để xuất khẩu dầu thô.

- Khu vực hậu cần : khu nhà ở 5 tầng Vũng Tàu.

- Công ty bay dịch vụ Miền Nam.

- Tài chính chi cho dịch vụ dầu khí 1990 : 60 tỉ đồng, 1991 : 174 tỉ đồng, 1992 : 300 tỉ đồng.

*** Gợi ý nội dung bài viết :**

- Nêu lên vị trí, vai trò đặc biệt của ngành dầu khí nước ta.
- Những dự báo về khả năng dầu khí nước ta.
- Quá trình khai thác dầu khí ở nước ta : cơ sở hậu cần Vũng Tàu, khai thác dầu trên biển, sản lượng dầu thô, những bước tiến mới của ngành dầu khí về trình độ kỹ thuật, trình độ quản lý, trình độ dịch vụ.
- Triển vọng to lớn của ngành dầu khí nước ta : qui mô phát triển, khả năng xây dựng công nghiệp hóa dầu, vị trí của ngành dầu khí trong nền kinh tế quốc dân.
- Vẽ biểu đồ sản lượng khai thác dầu thô qua các năm.

III. DỊCH VỤ DU LỊCH :

1. Trung tâm du lịch Vũng Tàu :

- Vũng Tàu có trên 10km bờ biển cát trắng phẳng đẹp như Bãi Sau, Bãi Trước, Bãi Dứa, Bãi Dầu dưới chân Núi Lớn, Núi Nhỏ.
- Vũng Tàu có nhiều di tích lịch sử văn hóa độc đáo như Bạch Dinh, Thích Ca Phật Đài... trên Núi Lớn, Niết Bàn Tịnh Xá, Hải Đăng, trận địa pháo,... trên Núi Nhỏ.
- Vũng Tàu có cơ sở hạ tầng du lịch khá tốt đang được tu sửa nâng cấp, mở rộng các khách sạn, bãi tắm, khu vui chơi...
- Hiện có 126 khách sạn, nhà nghỉ, biệt thự với 3.500 phòng (1.500 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế), du lịch nhân dân 600 phòng.

2. Trung tâm du lịch Long Hải, Phước Hải :

- Dưới chân núi Châu Viên huyện Long Đất có bãi tắm Long Hải, đèo Nước Ngọt cộng với làng cá Phước Tỉnh, Phước Hải, chiến khu Minh Đạo tạo nên một khu du lịch hấp dẫn.
- Long Hải có cơ sở dịch vụ du lịch từ lâu, nay đang được nâng cấp thành một khu du lịch tổng hợp gồm các khách sạn, khu thể thao vui chơi trên biển.

3. Khu du lịch Bình Châu, Hồ Tràm :

- Cảnh quan thiên nhiên ở đây rất đặc sắc : rừng nguyên sinh chạy dọc bờ biển cát trắng 10km, có suối khoáng nóng Bình Châu tới 80°C... tạo nên một khu du lịch tự nhiên thật kỳ

thú, lý tưởng cho nghỉ ngơi, an dưỡng, chữa bệnh, cắm trại, vui chơi.

- Cơ sở du lịch ở Bình Châu bước đầu đang được đầu tư xây dựng.

4. Khu du lịch Côn Đảo :

- Thiên nhiên và lịch sử dân tộc đã tạo lập cho Côn Đảo một điểm hẹn du lịch có một không hai trên biển Đông của Tổ quốc ta với rừng nguyên sinh độc đáo, núi đá cheo leo, hải sản phong phú, hệ thống nhà tù đồ sộ... gây một ấn tượng mạnh khó quên trong cuộc đời du khách.

- Hiện nay Côn Đảo đang có nhiều dự án đầu tư xây dựng thành một khu du lịch lớn.

5. Du lịch Châu Thành :

Châu Thành nổi tiếng với hai khu di tích lịch sử, địa đạo Long Phước dài 2km, chiến khu rừng già ngập nước Bàu Sen (Xà Bang) rộng trên 100 ha.

*** Gợi ý nội dung bài viết :**

- Vị trí của ngành dịch vụ du lịch, nên so sánh với các tỉnh khác trong vùng.

- Tài nguyên du lịch : tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa .

- Tình hình phát triển du lịch của tỉnh : cơ sở vật chất (khách sạn, bãi tắm, khu vui chơi) các đơn vị kinh doanh lượng khách du lịch (trong nước, nước ngoài).

- Khả năng phát triển của ngành du lịch tỉnh.

- Sơ tư 1 số tranh ảnh về ngành du lịch tỉnh.

IV. NÔNG NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP ;

1. Nông nghiệp (số liệu năm 1991)

a. Trồng trọt : - **Bảng 4**

Cây trồng	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tạ/ha)
1. Cây lương thực	40.960	109400	
- lúa	21550	58200	27
- hoa màu	19410	51200	
+ ngô	8800	13360	15,5
+ sắn	7270	97200	133,6
+ khoai lang	2620	12160	46,4
2. Cây công nghiệp			
a. Cây lâu năm			
- cao su	23200	7800	3,3
- cà phê	3700	2900	7,8
- điều	5100	2800	5,5
- tiêu	800	700	8,7
b. Cây hàng năm			
- lạc	6400	6400	10
- thuốc lá	400	350	8,7
- bông vải	200	200	10
- đậu nành	1000	990	9,9

b. Chăn nuôi : - Đàn trâu bò : 26.000 con

- Đàn lợn : 57.200 con

- Đàn gia cầm : 1 triệu con

2. Ngư nghiệp : - Số tàu thuyền máy : 2.463 chiếc

- Sản lượng đánh bắt : 59000 tấn

- Cơ sở chế biến : 6, công suất 22 tấn ngày

- Nước mắm : 5 triệu lít, cá khô 1.500 tấn

- Diện tích nuôi trồng thủy sản : 2.760 ha

(tôm : 2580 ha) khả năng còn 2.740 ha.

- Cơ sở dịch vụ : 30 cơ sở nước đá : 13.0000 tấn năm

- 4 cơ sở sửa chữa đóng tàu thuyền : 170 chiếc năm



Làng cá Phước Tỉnh

*** Gợi ý nội dung bài viết :**

1. Nông nghiệp :

- Vị trí của ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.
- Điều kiện phát triển ngành nông nghiệp : đất trồng, khí hậu, lao động, kỹ thuật, thủy lợi...
- Tình hình sản xuất nông nghiệp : Trồng trọt, chăn nuôi (chú ý đến sự thay đổi cơ cấu, phân bố).
- Xu hướng phát triển : Vùng chuyên canh (lúa, cây công nghiệp), vùng chăn nuôi (trâu bò, lợn).

2. Ngư nghiệp :

- Thực trạng của ngành ngư nghiệp : đánh bắt, nuôi trồng, chế biến.
- Khả năng và triển vọng của ngành ngư nghiệp tỉnh. (chú ý nêu cả những tiến bộ và khó khăn cần khắc phục)
- Vẽ lược đồ nông ngư nghiệp của tỉnh.

TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN TRÊN LỚP

I. PHẦN TRÌNH BÀY :

Mỗi vấn đề kinh tế xã hội của tỉnh đã được lựa chọn nghiên cứu tìm hiểu ở bài 15, giáo viên chọn 1 học sinh giỏi hoặc khá trình bày báo cáo của mình trước lớp.

II. PHẦN THẢO LUẬN :

Sau mỗi vấn đề kinh tế xã hội học sinh đã báo cáo, dưới sự hướng dẫn của giáo viên cho tập thể học sinh tiến hành thảo luận, tập trung vào một số điểm chính sau :

– Nội dung của báo cáo đã nêu lên được những ý chính của vấn đề cần tìm hiểu chưa ? tính chính xác, tính hệ thống, tính khoa học của các nhận định kết luận thế nào ? Những số liệu, biểu đồ, lược đồ đã chuẩn xác chưa ?

– Phương pháp tiến hành : xem xét các bước, hình thức tổ chức, phương pháp thu thập và xử lý tài liệu, nội dung báo cáo... đã phù hợp với qui trình của một đề tài nghiên cứu chưa ?

– Những điểm cần bổ sung nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo : qua thảo luận ở hai phần trên rút ra được những ưu nhược điểm chủ yếu, từ đó đề xuất những ý kiến cần bổ sung cho vấn đề nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

III. TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁO VIÊN :

Qua báo cáo, thảo luận một vấn đề kinh tế xã hội của tỉnh, giáo viên tổng kết những ý chính về nội dung, phương pháp tiến hành để học sinh nắm vững. sau đó đánh giá chấm điểm các báo cáo của tất cả học sinh như một bài kiểm tra 1 tiết.

PHẦN THỨ BA

HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY ĐỊA LÝ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(dùng cho giáo viên)

A. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY ĐỊA LÝ LỚP 9

CHƯƠNG III : ĐỊA LÝ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Sách giáo khoa Địa lý lớp 9 dành chương III cho dạy và học địa lý địa phương cấp tỉnh gồm 5 bài. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo cho các Sở từ năm học 1991 - 1992 khi thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở môn địa lý phải có câu hỏi về địa lý địa phương với số điểm 2/10. Cho nên việc dạy và học địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải được thực hiện nghiêm túc từ năm học 1992 - 1993. Việc dạy địa lý của tỉnh ở lớp 9, các giáo viên có điều kiện tổ chức cho học sinh học 5 bài 5 tiết thì rất tốt. Nếu không, sẽ tổ chức cho các em học theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo : 2 tiết, được hướng dẫn cụ thể như sau :

Tiết 1 : Bài 23, 24, 25

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

I. YÊU CẦU :

- Làm cho học sinh nắm và xác định được vị trí ranh giới lãnh thổ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Làm cho học sinh nắm được các đặc điểm cơ bản, tiêu

biểu về tự nhiên, dân cư của tỉnh và ý nghĩa kinh tế của chúng.

– Tập cho học sinh biết phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, dân cư trên lược đồ, biểu đồ...

II. CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN :

– Bà Rịa - Vũng Tàu là một tỉnh nhỏ (0,6% diện tích và 0,9% dân số cả nước) nhưng có vị trí hết sức quan trọng, cửa ngõ của vùng kinh tế Nam Bộ hướng ra biển Đông.

– Điều kiện tự nhiên của tỉnh có nhiều thuận lợi về nguồn tài nguyên để phát triển các ngành kinh tế trọng điểm : dầu khí, du lịch, hải sản, nông nghiệp...

– Tỉnh có nguồn lao động đông chiếm 49% dân số, có trình độ kỹ thuật khá, tỉ lệ dân thành thị khá cao 33%, song phân bố không đều, tỉ lệ tăng tự nhiên và cơ học còn cao.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bản đồ hành chính Việt Nam.
- Các lược đồ địa hình, đất trồng, phân bố dân cư của tỉnh.
- Một số tranh ảnh về tự nhiên, dân cư tỉnh.

IV. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP :

Do gộp 3 bài trong 1 tiết học nên giáo viên cần lựa chọn những kiến thức cơ bản nhất để khắc sâu trên lớp cho học sinh như vị trí, địa hình, đất trồng, tài nguyên, gia tăng dân số, phân bố dân cư. Ở những phần này giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu trên lược đồ để nắm kiến thức là chính, kết hợp với đàm thoại gợi mở. Những phần còn lại, giáo viên có thể thông báo ngắn gọn hoặc hướng dẫn cho các em tự tìm hiểu ở nhà.

Khi dạy phần tự nhiên, dân cư của tỉnh nên gắn với kiến

thức đã học ở vùng kinh tế Nam Bộ để làm rõ những thế mạnh kinh tế của tỉnh ta.

Các câu hỏi : 2 (bài 23), 4 (bài 24) và 1 (bài 25) có thể dùng để kiểm tra.

Tiết 2 : Bài 26, 27

ĐỊA LÝ KINH TẾ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

I. YÊU CẦU :

– Làm cho học sinh nắm được đặc điểm chung và đặc điểm các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh : công nghiệp khai thác dầu khí, dịch vụ, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông.

– Tập cho học sinh tìm ra những mối quan hệ giữa tự nhiên với kinh tế, giữa các ngành kinh tế với nhau.

II. CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN :

– Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có một cơ cấu kinh tế đa dạng ; công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, phát triển năng động theo cơ chế thị trường, gồm nhiều thành phần kinh tế...

– Các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh là : dầu khí, du lịch, hàng hải, hải sản, cây công nghiệp... đang phát triển nhanh và có nhiều triển vọng tốt.

– Giao thông và quan hệ kinh tế đối ngoại đang tạo đà cho kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và mạnh.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Các lược đồ kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, giao thông.

– Các biểu đồ : cơ cấu kinh tế, sản lượng dầu thô.

– Một số ảnh về các ngành kinh tế trọng điểm.

IV. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP :

– Khi dạy phân thực trạng và phương hướng phát triển, giáo viên chỉ cần thông báo cho học sinh những đặc điểm chính

và hướng dẫn các em tìm hiểu về nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất.

– Giáo viên đi sâu vào phân tích, đánh giá sự phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí, du lịch, cây công nghiệp, ngư nghiệp, giao thông và hợp tác đầu tư nước ngoài.

Dạy các phần này giáo viên nên dùng phương pháp đàm thoại, gợi mở, tìm mối quan hệ, so sánh để học sinh hiểu rõ vấn đề.

Chú ý coi trọng sự hiểu biết thực tế của học sinh. Giáo viên cần giáo dục bảo vệ môi trường và phát triển tư duy kinh tế cho học sinh.

– Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu về các huyện và thành phố của tỉnh ở phần phụ lục.

– Các câu hỏi : 2, 3 (bài 26), 1, 2 (bài 27) dùng để kiểm tra.

B. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY ĐỊA LÝ LỚP 12

CHƯƠNG II : NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Bài 15 - 16

**THỰC HÀNH : TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỊA LÝ
KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU.**

Bài 15 : HƯỚNG DẪN NỘI DUNG THỰC HÀNH

I. YÊU CẦU :

– Làm cho học sinh biết cách lựa chọn và tìm hiểu một vấn đề địa lý kinh tế - xã hội tỉnh dưới dạng một bài viết theo các bước sau : Xác định vấn đề, thu thập và xử lý tài liệu, trình bày vấn đề (bài viết).

– Tập cho học sinh biết cách vận dụng tổng hợp các kỹ

năng địa lý để tìm hiểu một vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH :

– Tiết hướng dẫn thực hành là một bước quan trọng nhất cho sự thành công của tiết trình bày và thảo luận trên lớp. Cho nên giáo viên cần có kế hoạch thật cụ thể phân lớp ra các nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một vấn đề đã lựa chọn.

– Khi hướng dẫn học sinh tìm hiểu vấn đề kinh tế - xã hội ngoài phạm vi cấp tỉnh nếu học sinh tìm hiểu trong phạm vi cấp huyện hoặc xã thì càng có ý nghĩa thực tiễn cao.

– Tùy theo mỗi trường đóng trên địa bàn tỉnh khác nhau, giáo viên có thể lựa chọn những vấn đề khác nhau cho học sinh tìm hiểu. Ví dụ : ở Vũng Tàu có thể lựa chọn vấn đề công nghiệp khai thác và dịch vụ dầu khí, dịch vụ du lịch...; ở Châu Thành có thể lựa chọn vấn đề nông nghiệp, dân số, lao động và việc làm...

– Để học sinh có điều kiện tìm hiểu vấn đề có chất lượng cao, giáo viên có thể hướng dẫn tiết thực hành này càng sớm càng tốt cho các em chủ động về thời gian thu thập và xử lý tài liệu, viết báo cáo.

– Giáo viên cần định hướng cho học sinh về các bước tiến hành theo như nội dung sách giáo viên địa lý 12 và các nguồn tài liệu cơ bản cần thu thập (chú ý tham khảo địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ở lớp 9).

Bài 16 : TRÌNH BÀY VÀ THẢO LUẬN TRÊN LỚP

I. YÊU CẦU :

– Tập cho học sinh biết trình bày trên lớp một vấn đề địa lý kinh tế - xã hội dựa trên các nguồn tài liệu đã được chuẩn bị trước.

– Giúp cho học sinh hiểu được cách góp ý, nhận xét, đánh

giá về nội dung và phương pháp tiến hành tìm hiểu một vấn đề kinh tế - xã hội ở địa phương.

II. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý VỀ CÁCH THỨC TIẾN HÀNH :

- Nội dung và cách thức tiến hành đã được trình bày cụ thể trong phần bài học (bài 16) ở đây chỉ xin gợi ý thêm những điểm sau :

+ Phần trình bày và thảo luận có liên quan chặt chẽ với nhau, giáo viên phải có kế hoạch cụ thể để hướng dẫn cho học sinh thực hiện trên lớp được tốt. Thời gian ở mỗi phần có thể là ngang nhau (tỉ lệ 1/1).

+ Ở phần trình bày giáo viên nên chọn học sinh khá giỏi được chuẩn bị công phu, nói năng lưu loát, mạch lạc, tránh để mất thời gian không cần thiết trên lớp.

+ Ở phần thảo luận, giáo viên cần có những hướng dẫn gợi mở cho học sinh đi sâu vào nội dung và phương pháp tiến hành tìm hiểu về vấn đề kinh tế - xã hội đã trình bày. Việc thảo luận trên lớp có hiệu quả cao hay không là nhờ vào việc chuẩn bị của học sinh và năng lực tổ chức hướng dẫn của giáo viên.

+ Phần tổng kết đánh giá của giáo viên cần nêu bật những vấn đề cơ bản có tính hệ thống, tính khoa học của vấn đề kinh tế - xã hội đã tìm hiểu để học sinh nắm vững và bổ sung vào bản báo cáo của mình. Sau đó giáo viên thu toàn bộ các báo cáo của học sinh để chấm điểm, tính như một bài kiểm tra 1 tiết (hệ số 2).

MỤC LỤC

	Trang
- Lời nói đầu	3
- Phần thứ nhất : Địa lý lớp 9	5
Chương III : Địa lí tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	5
<i>Bài 23 : Địa lý tự nhiên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	5
<i>Bài 24 : Địa lý tự nhiên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	10
* Bài đọc thêm :	13
I. Rừng cấm quốc gia Côn Đảo	13
II. Rừng cấm quốc gia Bình Châu - Phước Bửu	15
<i>Bài 25 : Địa lý dân cư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	16
<i>Bài 26 : Địa lý kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	20
<i>Bài 27 : Địa lý kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (tiếp)</i>	26
* Phụ lục : Vài nét về địa lý các đơn vị hành chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	34
I. Thành phố Vũng Tàu	34
II. Huyện Châu Thành	35
III. Huyện Xuyên Mộc	36
IV. Huyện Long Đất	37
V. Huyện Côn Đảo	38
- Phần thứ hai : Địa lý lớp 12	40
Chương II : Những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội	40
Thực hành : Tìm hiểu một số vấn đề địa lý kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	40
<i>Bài 15 : Hướng dẫn nội dung thực hành</i>	40
<i>Bài 16 : Trình bày và thảo luận trên lớp</i>	50
- Phần thứ ba : Hướng dẫn giảng dạy địa lý tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51
A. Hướng dẫn giảng dạy địa lý lớp 9 :	
- <i>Bài 23, 24, 25 : Địa lý tự nhiên và dân cư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	51
- <i>Bài 26, 27 : Địa lý kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	53
B. Hướng dẫn giảng dạy địa lý lớp 12	54
- <i>Bài 15 : Hướng dẫn nội dung thực hành trên lớp</i>	54

THƯ VIỆN T.H TỈNH BRVT



DC.000284

Giá : 2.500đ